

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bất kì một ngành nghề nào, cũng có những nguyên tắc, những qui định, những hướng dẫn đặc thù giúp con người có thể nhận biết thế nào là hợp lý. Kế toán không nằm ngoài qui luật đó. Ngoài sự chi phối cao nhất của Luật kế toán, công tác kế toán chịu ảnh hưởng quan trọng của chuẩn mực kế toán. **Chuẩn mực kế toán** là những nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính. Mỗi quốc gia với những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau sẽ có hệ thống chuẩn mực kế toán riêng phù hợp với những điều kiện, yêu cầu, trình độ quản lý của riêng mình. Tuy nhiên, cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia đã xuất hiện những nét hài hòa với hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế, cho phép nền kinh tế thích ứng với yêu cầu của thế giới.

Khi Việt Nam đặt chân vào thị trường thế giới, kế toán – công cụ quản lý hiệu quả cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Việc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia là điều cần thiết và quan trọng trong quá trình Việt Nam mở cửa “muốn là bạn của tất cả các nước”. **Chuẩn mực kế toán quốc gia** là các qui định và hướng dẫn về nguyên tắc và phương pháp kế toán trên cơ sở lựa chọn vận dụng sáng tạo hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế; được xây dựng dựa trên đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam, hệ thống pháp luật, trình độ kinh nghiệm kế toán Việt Nam và tuân thủ đúng các qui định về thể thức ban hành văn bản pháp luật của Việt Nam.

Vốn cố định – loại vốn quan trọng trong quá trình sản xuất của một doanh nghiệp – là biểu hiện bằng tiền của TSCĐ. Việc nhận biết về giá trị TSCĐ hữu hình (và vô hình) cho phép đánh giá chính xác sự biến động của vốn cố định, qui mô vốn được bảo toàn, từ đó tạo điều kiện tính đủ chi phí khấu hao không để mất vốn. Ghi nhận đúng giá trị TSCĐ hữu hình cho phép phản ánh chính xác số liệu trên báo cáo tài chính – là cơ sở để những người sử dụng báo cáo có cái nhìn thực tế đối với doanh nghiệp, cũng là cơ sở của những quyết định đầu tư. Chính vì vậy, sự ra đời của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 có thể coi là kim chỉ nam giúp cho công tác kế toán TSCĐ hữu hình được thực hiện một cách tốt nhất, đồng thời cũng giúp cho nhà quản lý đánh giá được thông tin kế toán cung cấp

đã hợp lý, trung thực hay ch- a?

Là một doanh nghiệp Nhà n- ốc, công ty kinh doanh nhà Hải Phòng cũng đang tự đổi mới để tham gia nền kinh tế thị tr- ờng. Với số l- ợng TSCĐ hữu hình nhiều, giá trị lớn d- ối sự đầu t- qui mô của nhà n- ốc, việc sử dụng hiệu quả tài sản trong quá trình sản xuất đang là một vấn đề không nhỏ đối với doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, với mong muốn nghiên cứu sâu hơn về chuẩn mực kế toán số 03, tìm hiểu thực tế vận dụng chuẩn mực này tại các doanh nghiệp, và tiếp cận với công tác tổ chức kế toán TSCĐHH tại đơn vị thực tập, tôi lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐHH tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng” cho luận văn tốt nghiệp, với hy vọng có cái nhìn sâu sắc về kế toán từ lý luận đến thực tiễn, và xin đề xuất một vài ý kiến trong công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán TSCĐHH nói riêng tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

Luận văn gồm 3 ch- ơng:

Ch- ơng I: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

Ch- ơng 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định hữu hình tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô trong quá trình hoàn thiện luận văn. Trong giới hạn hiểu biết và thực tế của mình, chắc chắn luận văn sẽ không tránh khỏi sai sót, rất mong sự quan tâm và góp ý của nhiều thầy cô, bạn bè để bài viết có thể hoàn thiện hơn!

Sinh viên

Hồ Minh Thông

Chương 1:

Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp

1.1 Một số vấn đề chung về kế toán Tài sản cố định hữu hình (TSCĐHH).

1.1.1 Khái niệm Tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình.

1.1.2 Tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định hữu hình.

Các tài sản đ-ợc ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 4 tiêu chuẩn ghi nhận sau:

- + Chắc chắn thu đ-ợc lợi ích kinh tế trong t-ong lai từ việc sử dụng tài sản đó
- + Nguyên giá tài sản đ-ợc xác định một cách đáng tin cậy
- + Thời gian sử dụng - ớc tính trên 1 năm
- + Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo qui định hiện hành

Việc xác định mức độ chắc chắn của việc thu đ-ợc lợi ích kinh tế trong t-ong lai phải dựa trên các bằng chứng hiện có tại thời điểm ghi nhận ban đầu và phải chịu mọi rủi ro liên quan.

Nguyên giá TSCĐ sẽ đ-ợc xác định trên cơ sở những chứng từ thông qua mua sắm, trao đổi hoặc tự xây dựng.

- Phân loại TSCĐ Hữu hình

Theo tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, TSCĐHH đ-ợc chia thành:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc;
- + Máy móc, thiết bị;
- + Ph-ong tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn;
- + Thiết bị, dụng cụ quản lý;
- + V-òn cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm;
- + TSCĐ hữu hình khác;

1.1.3 Đánh giá Tài sản cố định hữu hình.

1.1.3.1 Xác định giá trị ban đầu.

- TSCĐ hữu hình phải đ- ợc xác định giá trị ban đầu theo *nguyên giá*.

Nguyên giá TSCĐHH là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có đ- ợc TSCĐHH tính đến thời điểm đ- a Tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Xác định Nguyên giá TSCĐHH trong từng tr- ờng hợp:

- ❖ *TSCĐHH mua sắm:*

$$NG = \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá mua (- các khoản chiết khấu th- ơng mại, giảm giá hàng bán)} \\ + \text{ Các khoản thuế (không gồm thuế đ- ợc hoàn lại)} \\ + \text{ Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đ- a Tài sản vào trạng thái sẵn} \\ \text{sàng sử dụng (chi phí chuẩn bị mặt bằng; chi phí vận chuyển, bốc xếp;} \\ \text{chi phí lắp đặt chạy thử trừ các khoản phế liệu thu hồi do chạy thử; Chi} \\ \text{phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác)} \end{array} \right.$$

- ❖ *TSCĐHH hình thành do đầu t- xây dựng cơ bản hoàn thành theo ph- ơng thức giao thầu:*

$$NG = \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá quyết toán công trình đầu t- xây dựng;} \\ + \text{ các chi phí liên quan trực tiếp khác;} \\ + \text{ Lệ phí tr- ớc bạ (nếu có);} \end{array} \right.$$

- ❖ *TSCĐHH mua sắm theo ph- ơng thức trả chậm :*

$$NG = \text{ giá mua trả ngay tại thời điểm mua}$$

Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay đ- ợc hạch toán vào chi phí theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó đ- ợc tính vào Nguyên giá TSCĐHH (vốn hóa) theo qui định của chuẩn mực kế toán “ chi phí đi vay”.

- ❖ *TSCĐHH tự xây dựng hoặc tự chế:*

$$NG = \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế của TSCĐ tự xây dựng, hoặc tự chế;} \\ + \text{ Chi phí lắp đặt, chạy thử;} \end{array} \right.$$

Tr- ờng hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ :

$$NG = \left\{ \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất sản phẩm} \\ + \text{ các chi phí liên quan đến việc đ- a TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử} \\ \text{dụng;} \end{array} \right.$$

Trong mọi tr- ờng hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không đ- ợc tính vào nguyên giá của các tài sản đó. Các chi phí không hợp lý nh- nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng v- ợt quá mức bình th- ờng trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế không đ- ợc tính vào nguyên giá TSCĐ.

❖ *TSCĐHH mua d- ời hình thức trao đổi:*

- Trao đổi với một TSCĐHH không t- ơng tự hoặc tài sản khác:

$$NG = \text{Giá trị hợp lý của TSCĐHH nhận về (hoặc giá trị hợp lý của TS đem trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc t- ơng đ- ơng tiền trả thêm hoặc thu về.}$$

- Trao đổi với TSCĐ HH t- ơng tự hoặc có thể hình thành do đ- ợc bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản t- ơng tự (tài sản t- ơng tự là tài sản có công dụng t- ơng tự , trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị t- ơng đ- ơng):

$$NG = \text{Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi trao đổi;}$$

❖ *TSCĐHH tặng từ các nguồn khác:*

Nguyên giá TSCĐHH đ- ợc tài trợ, đ- ợc biếu tặng đ- ợc ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu.

Tr- ờng hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì doanh nghiệp ghi nhận theo giá trị danh nghĩa + các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đ- a tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

1.1.3.2 Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐHH đ- ợc ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong t- ơng lai do sử dụng tài sản đó, nh- :

- Thay đổi bộ phận của TSCĐHH làm tăng thời gian sử dụng hữu ích hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng;

- Cải tiến bộ phận của TSCĐHH làm tăng đáng kể chất l- ượng sản phẩm sản

xuất ra;

- Áp dụng qui trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với tr-ớc;

Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải đ-ợc ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kì, nh- : các chi phí về sửa chữa, bảo d-ỡng TSCĐHH nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu ...

1.1.3.3 Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu.

Sau ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng TSCĐHH đ-ợc xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế, và giá trị còn lại.

Tr-ờng hợp TSCĐHH đ-ợc đánh giá lại theo qui định của Nhà n-ớc thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải đ-ợc điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐHH đ-ợc xử lý và kế toán theo qui định của nhà n-ớc.

1.1.3.4 Xác định thời gian sử dụng của Tài sản cố định hữu hình.

Thời gian sử dụng hữu ích là thời gian mà TSCĐHH phát huy đ-ợc tác dụng cho sản xuất, kinh doanh, đ-ợc tính bằng:

- Thời gian mà doanh nghiệp dự tính sử dụng TSCĐHH, hoặc
- Sản l-ợng sản phẩm hoặc các đơn vị tính t-ong tự mà doanh nghiệp dự tính thu đ-ợc từ việc sử dụng tài sản;

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐHH phải xem xét nhiều yếu tố: Mức độ sử dụng -ớc tính của doanh nghiệp với tài sản đó; Hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình; Giới hạn có tính pháp lý trong việc sử dụng tài sản;

Thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐHH phải đ-ợc xem xét lại theo định kì, th-ờng là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

Có nhiều cách xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐHH:

- Với TSCĐHH còn mới, doanh nghiệp dựa vào khung thời gian sử dụng tài sản cố định trong Phụ lục 1, kèm theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tr-ởng Bộ tài chính.

- Với TSCĐHH đã qua sử dụng:

$$\text{Thời gian sử dụng của TSCĐHH} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐHH}}{\text{Giá bán của TSCĐHH mới cùng loại hoặc t-ong đ-ong}} \times \text{Thời gian sử dụng của TSCĐHH mới cùng loại}$$

- Tr-ong hợp khác, doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của TSCĐHH dựa trên 3 tiêu chuẩn sau:

- + Tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ theo thiết kế;
- + Hiện trạng TSCĐHH
- + Tuổi thọ kinh tế của TS

1.1.3.5 Khấu hao Tài sản cố định hữu hình.

Mọi TSCĐHH của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động kinh doanh (gồm tài sản ch- a cần dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao. Doanh nghiệp không đ- ợc tính và trích khấu hao đối với những TSCĐHH đã khấu hao hết nh- ng vẫn sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

Với những TSCĐHH ch- a khấu hao hết đã hỏng, doanh nghiệp phải xác định nguyên nhân, qui trách nhiệm đền bù, đòi bồi th- ờng thiệt hại và tính vào chi phí khác.

TSCĐHH không tham gia vào hoạt động kinh doanh thì không phải trích khấu hao, gồm:

- Những TSCĐHH dự trữ Nhà n- ớc giao cho doanh nghiệp quản lý hộ, giữ hộ
- TSCĐHH phục vụ nhu cầu toàn xã hội, không phục vụ cho hoạt động kinh doanh của riêng doanh nghiệp, mà Nhà n- ớc giao cho doanh nghiệp quản lý
- TSCĐHH khác không tham gia hoạt động kinh doanh

Doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, theo dõi các tài sản cố định trên đây như đối với các tài sản cố định dùng trong hoạt động kinh doanh và tính mức hao mòn của các tài sản cố định này (nếu có); mức hao mòn hàng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá chia cho thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

KHUNG THỜI GIAN SỬ DỤNG CÁC LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng tối thiểu (năm)	Thời gian sử dụng tối đa (năm)
A- Máy móc, thiết bị động lực		
1. Máy phát động lực	8	10
2. Máy phát điện	7	10
3. Máy biến áp và thiết bị nguồn điện	7	10
4. Máy móc, thiết bị động lực khác	6	10
B. Máy móc, thiết bị công tác		
1. Máy công cụ	7	10
2. Máy khai khoáng xây dựng	5	8
3. Máy kéo	6	8
4. Máy dùng cho nông, lâm nghiệp	6	8
5. Máy bơm nước và xăng dầu	6	8
6. Thiết bị luyện kim, gia công bề mặt chống gỉ và ăn mòn kim loại	7	10
7. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các loại hoá chất	6	10
8. Máy móc, thiết bị chuyên dùng sản xuất	6	8

vật liệu xây dựng, đồ sành sứ, thủy tinh		
9. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các linh kiện và điện tử, quang học, cơ khí chính xác	5	12
10. Máy móc, thiết bị dùng trong các ngành sản xuất da, in văn phòng phẩm và văn hoá phẩm	7	10
11. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành dệt	10	15
12. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành may mặc	5	7
13. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành giấy	5	15
14. Máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	7	12
15. Máy móc, thiết bị điện ảnh, y tế	6	12
16. Máy móc, thiết bị viễn thông, thông tin, điện tử, tin học và truyền hình	3	15
17. Máy móc, thiết bị sản xuất dược phẩm	6	10
18. Máy móc, thiết bị công tác khác	5	12
C- Dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm		
1. Thiết bị đo lường, thử nghiệm các đại lượng cơ học, âm học và nhiệt học	5	10
2. Thiết bị quang học và quang phổ	6	10
3. Thiết bị điện và điện tử	5	8

4. Thiết bị đo và phân tích lý hoá	6	10
5. Thiết bị và dụng cụ đo phóng xạ	6	10
6. Thiết bị chuyên ngành đặc biệt	5	8
7. Các thiết bị đo lường, thí nghiệm khác	6	10
8. Khuôn mẫu dùng trong công nghiệp đúc	2	5
D- Thiết bị và phương tiện vận tải		
1. Phương tiện vận tải đường bộ	6	10
2. Phương tiện vận tải đường sắt	7	15
3. Phương tiện vận tải đường thuỷ	7	15
4. Phương tiện vận tải đường không	8	20
5. Thiết bị vận chuyển đường ống	10	30
6. Phương tiện bốc dỡ, nâng hàng	6	10
7. Thiết bị và phương tiện vận tải khác	6	10
E- Dụng cụ quản lý		
1. Thiết bị tính toán, đo lường	5	8
2. Máy móc, thiết bị thông tin, điện tử và phần mềm tin học phục vụ quản lý	3	8
3. Phương tiện và dụng cụ quản lý khác	5	10
F- Nhà cửa, vật kiến trúc		
1. Nhà cửa loại kiên cố (1)	25	50

2. Nhà cửa khác (1)	6	25
3. Kho chứa, bể chứa; cầu, đường; bãi đỗ, sân phơi...	5	20
4. Kè, đập, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ tàu...	6	30
5. Các vật kiến trúc khác	5	10
G- Súc vật, vườn cây lâu năm		
1. Các loại súc vật	4	15
2. Vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả, vườn cây lâu năm.	6	40
3. Thảm cỏ, thảm cây xanh.	2	8
H- Các loại tài sản cố định khác chưa quy định trong các nhóm trên	4	25

Nếu các tài sản cố định này có tham gia vào hoạt động kinh doanh thì trong thời gian tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp thực hiện tính và trích khấu hao vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc trích hoặc thôi trích Khấu hao TSCĐHH đ- ợc thực hiện bắt đầu từ ngày(theo số ngày của tháng) mà tài sản tăng, giảm hoặc ngừng tham gia vào hoạt động kinh doanh.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐHH đ- ợc phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Ph- ơng pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp .

Khấu hao TSCĐHH là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐHH trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐHH ghi trên báo cáo tài

chính trừ giá trị thanh lý - ớc tính của tài sản đó.

Có 3 ph-ong pháp khấu hao TSCĐHH, gồm: phương pháp khấu hao đường thẳng; phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh; phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm. Nội dung của phương pháp khấu hao đường thẳng; phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh; phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp trích khấu hao tài sản cố định, doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại tài sản cố định của doanh nghiệp:

- Ph-ong pháp khấu hao đ- ờng thẳng:

Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm; thiết bị và phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý; súc vật, vườn cây lâu năm. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm}(M_{KH}) = \frac{\text{NG}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả

năm chia cho 12 tháng.

Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký trừ thời gian đã sử dụng) của tài sản cố định.

Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần:

Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

+ Là tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng);

+ Là các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh.

Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

M_{KH} = giá trị còn lại của TSCĐHH x Tỷ lệ khấu hao nhanh

1 x100

Tỷ lệ KH nhanh = $\frac{M_{KH}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}$ x Hệ số điều chỉnh

Bảng hệ số điều chỉnh:

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh(lần)
Đến 4 năm($t \leq 4$ năm)	1.5
Trên 4 đến 6 năm ($4 < t \leq 6$)	2.0
Trên 6 năm ($t > 6$)	2.5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

- Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm:

Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- + Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm;
- + Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định;
- + Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế.

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối

lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$M_{KH} = \text{Số l- ợng sản phẩm sản xuất trong tháng} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{NG}{\text{Sản l- ợng theo công suất thiết kế}}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

Doanh nghiệp phải đăng ký phương pháp trích khấu hao tài sản cố định mà doanh nghiệp lựa chọn áp dụng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi thực hiện trích khấu hao. Trường hợp việc lựa chọn của doanh nghiệp không trên cơ sở có đủ các điều kiện quy định thì cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp biết để thay đổi phương pháp khấu hao cho phù hợp.

Ph- ơng pháp khấu hao do doanh nghiệp xác định để áp dụng cho từng TSCĐHH phải đ- ợc thực hiện nhất quán, trừ khi có sự thay đổi trong cách thức sử dụng tài sản đó. Ph- ơng pháp khấu hao cũng đ- ợc xem xét lại theo định kì, thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong cách thức sử dụng tài sản để đem lại lợi ích cho doanh nghiệp thì đ- ợc thay đổi ph- ơng pháp khấu hao và mức khấu hao tính cho năm hiện hành và các năm tiếp theo.

Số khấu hao từng kì đ- ợc hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kì trừ khi chúng đ- ợc tính vào giá trị của các tài sản khác, nh- : khấu hao TSCĐHH dùng cho quá trình tự xây dựng, tự chế các tài sản khác...

Doanh nghiệp không đ- ợc tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐHH đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.1.4 Nhiệm vụ kế toán Tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp.

Xuất phát từ đặc điểm, vị trí và vai trò của TSCĐHH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán TSCĐHH phải đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép, phản ánh tổng hợp, chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐHH hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐHH trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐHH, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn bảo quản, bảo dưỡng TSCĐHH và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.

- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao kịp thời với số lượng, giá trị hiện có và tình hình tăng giảm TSCĐHH trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng đơn vị sử dụng TSCĐHH.

- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐHH vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản theo chế độ quy định.

- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐHH, giám sát việc sửa chữa TSCĐHH về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.

- Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng giảm nguyên giá TSCĐHH cũng như tình hình quản lý nhượng bán TSCĐHH.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận phụ thuộc trong các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐHH, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và kế toán TSCĐHH đúng chế độ quy định.

- Tham gia kiểm tra đánh giá lại TSCĐHH theo quy định của nhà nước và yêu cầu bảo quản vốn, tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động bảo quản, sử dụng TSCĐHH tại đơn vị.

1.2 Tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán Tài sản cố định hữu hình.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Biên bản bàn giao Tài sản cố định hữu hình.

- Biên bản thanh lý nhượng bán Tài sản cố định hữu hình.

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.

TK 211-Tài sản cố định hữu hình- phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng , giảm toàn bộ TSCĐHH của doanh nghiệp theo Nguyên giá.

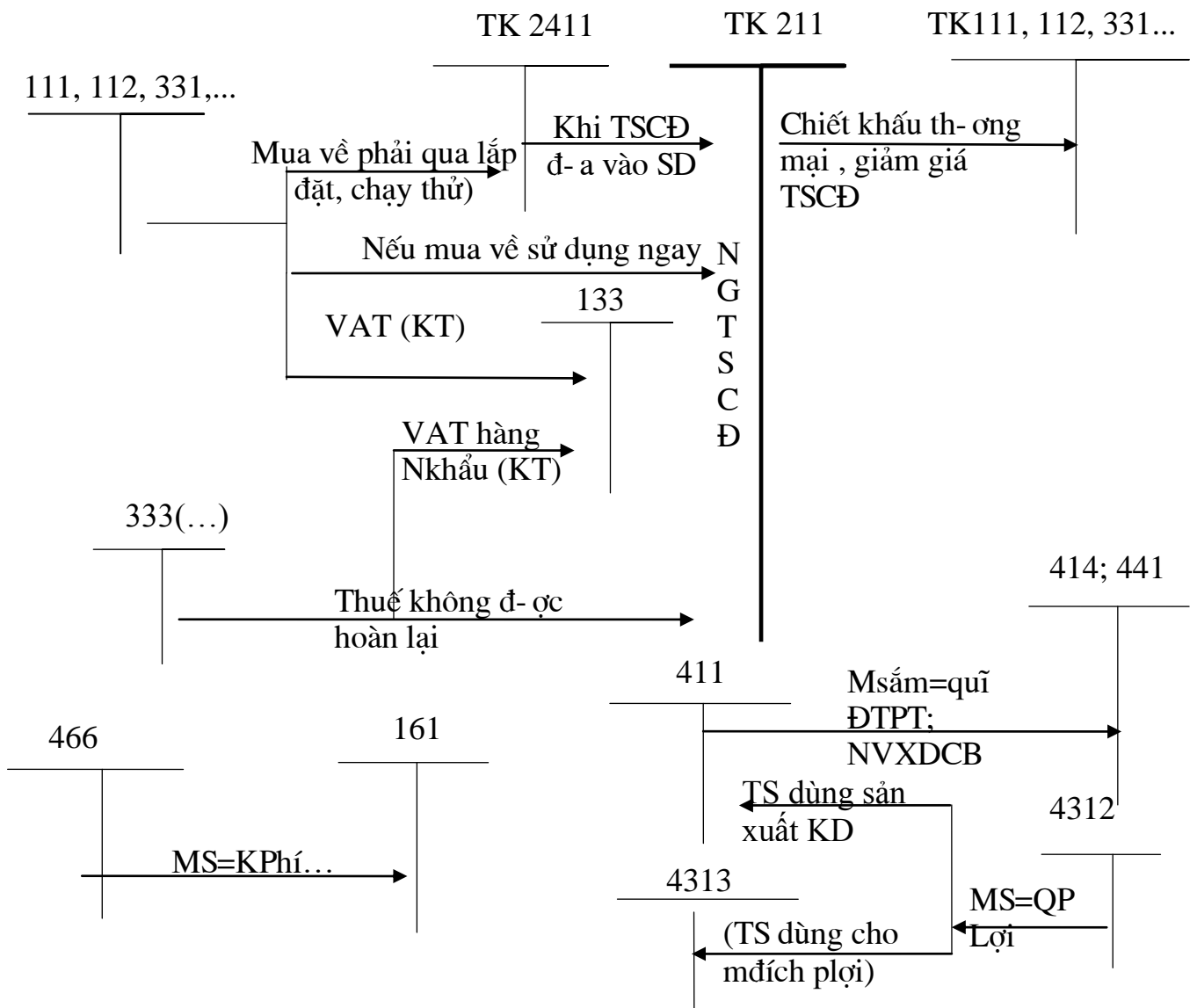
TK 211 có 6 TK cấp 2:

- TK 2111 – Nhà cửa, vật kiến trúc.
- TK 2112 – Máy móc, thiết bị.
- TK 2113 – Phương tiện vận tải , truyền dẫn.
- TK 2114 – Thiết bị , dụng cụ quản lý.
- TK 2115 – Cây lâu năm , súc vật làm việc và cho sản phẩm.
- TK 2118 – TSCĐ khác.

1.2.1.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

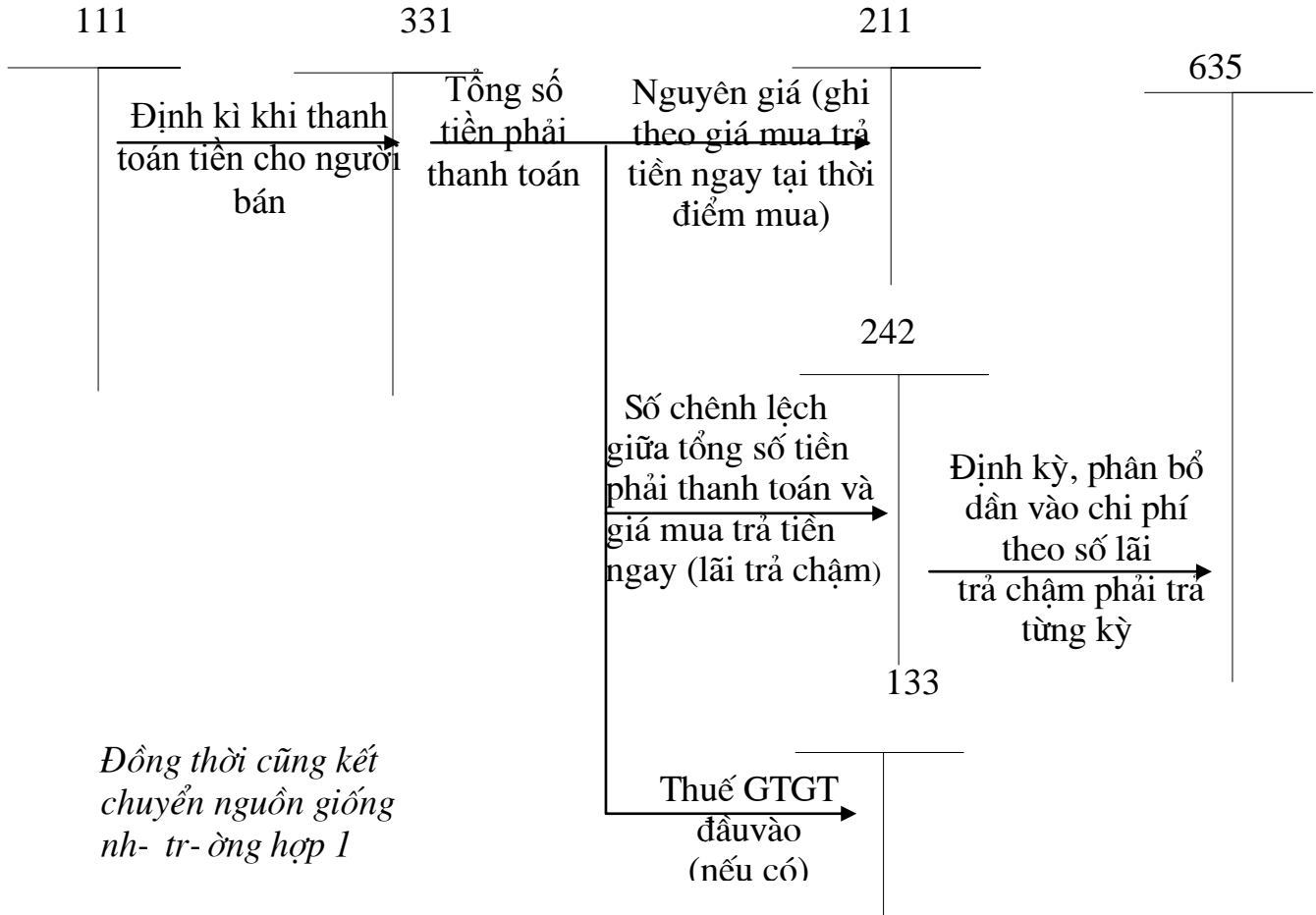
* Kế toán nghiệp vụ tăng Tài sản cố định hữu hình.

TH1: KẾ TOÁN TSCĐ TĂNG DO MUA NGOÀI



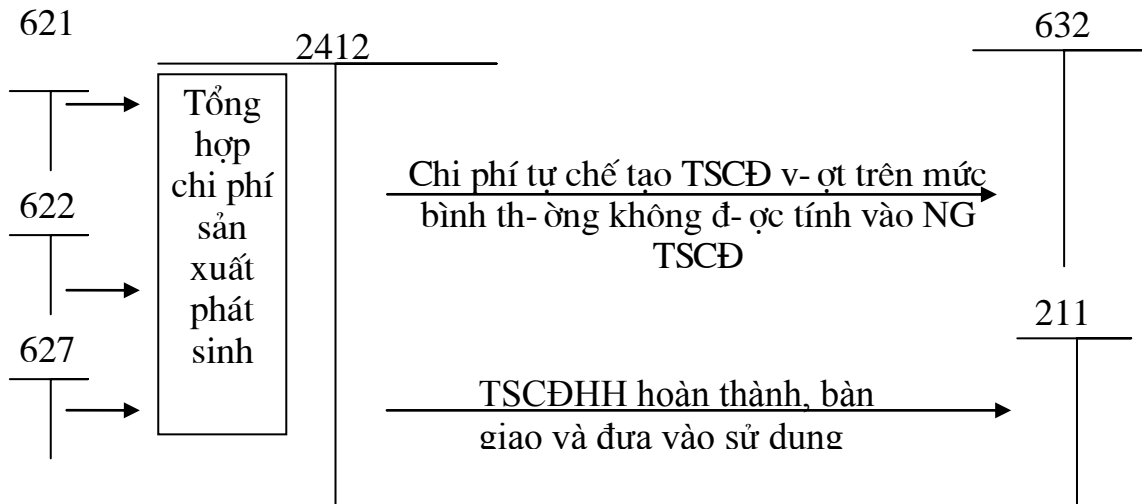
Sơ đồ 1.1: Kế toán tăng TSCĐHH do mua ngoài

TH2: TSCĐ MUA NGOÀI THEO PHƯƠNG THỨC TRẢ CHẬM, TRẢ GÓP



Sơ đồ 1.2: TSCĐ mua ngoài theo phương thức trả chậm, trả góp

TH3: KẾ TOÁN TSCĐ HỮU HÌNH TỰ CHẾ

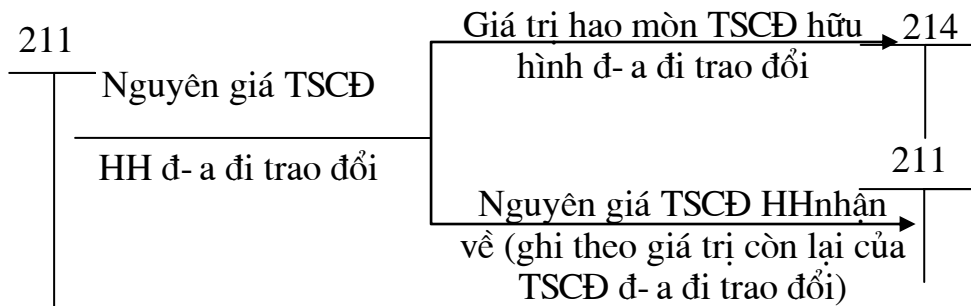


Đồng thời kết chuyển nguồn vốn nh- tr- ờng hợp 1

Sơ đồ 1.3: Kế toán tăng TSCĐHH do tự chế

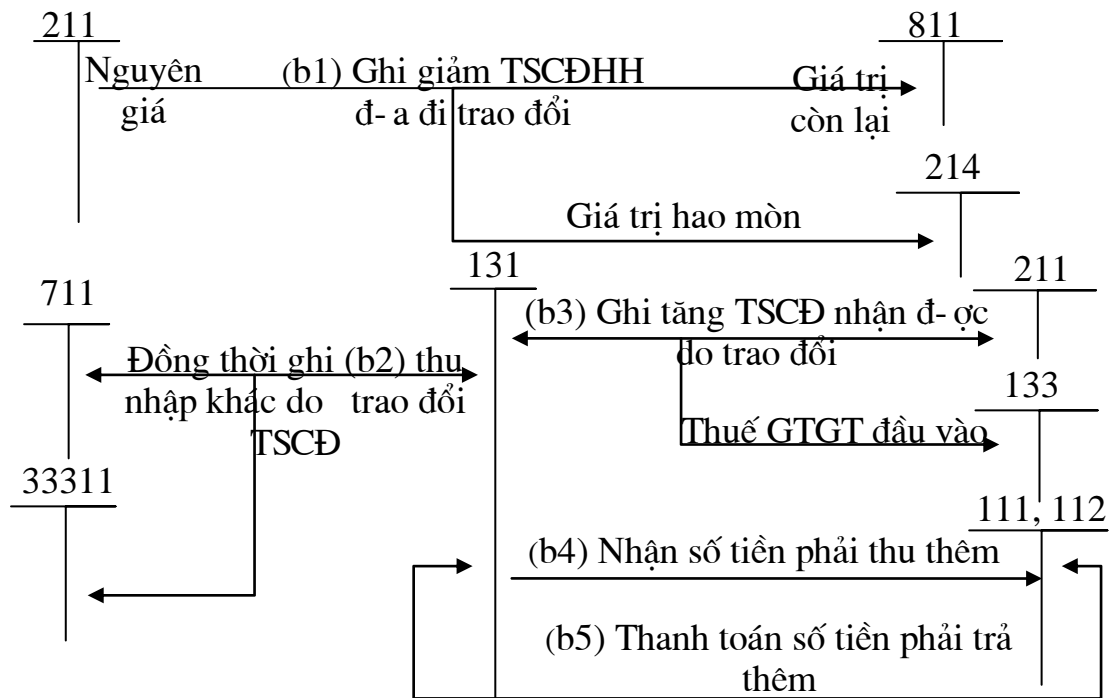
TH4: KẾ TOÁN TSCĐ MUA DƯỚI HÌNH THỨC TRAO ĐỔI

a. Tr- ờng hợp mua d- ới hình thức trao đổi với TSCĐHH t- ơng tự (tài sản t- ơng tự là TSCĐ có công dụng t- ơng tự, trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị t- ơng đ- ơng).



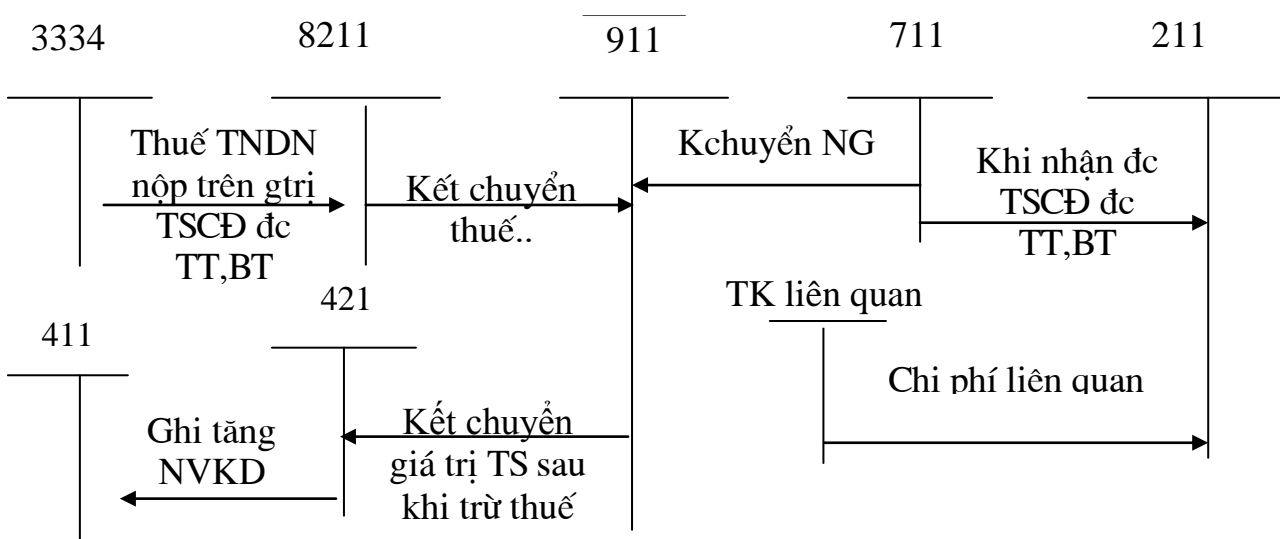
Sơ đồ 1.4a: Kế toán tăng TSCĐHH mua dưới hình thức trao đổi

b. Tr- ờng hợp mua d- ói hình thức trao đổi với TSCĐ không t- ong tư



Sơ đồ 1.4b: Kế toán tăng TSCĐHH do mua dưới hình thức trao đổi không tương tự

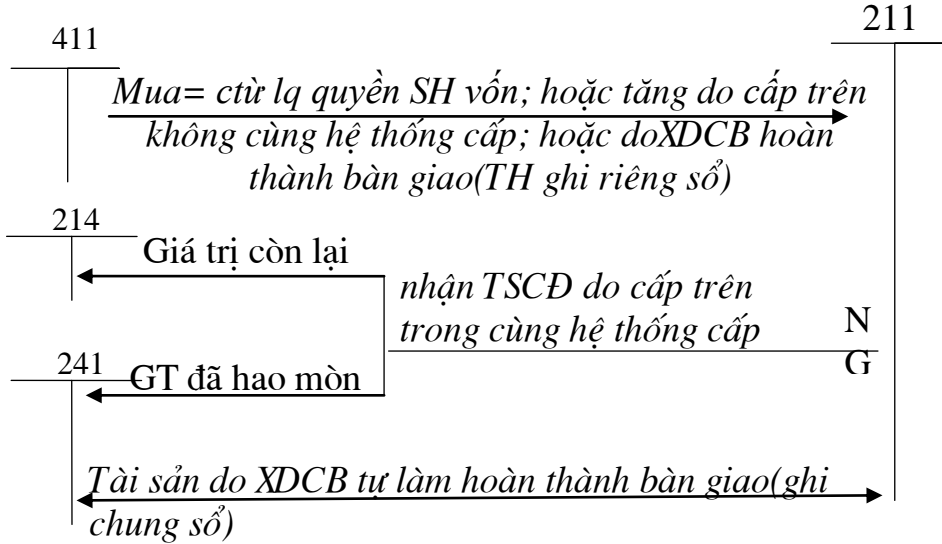
TH5: TĂNG TSCĐHH DO ĐƯỢC TÀI TRỢ BIỂU TẶNG



Sơ đồ 1.5: Kế toán tăng TSCĐHH do được tài trợ biểu tặng

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC GHI TĂNG TSCĐ

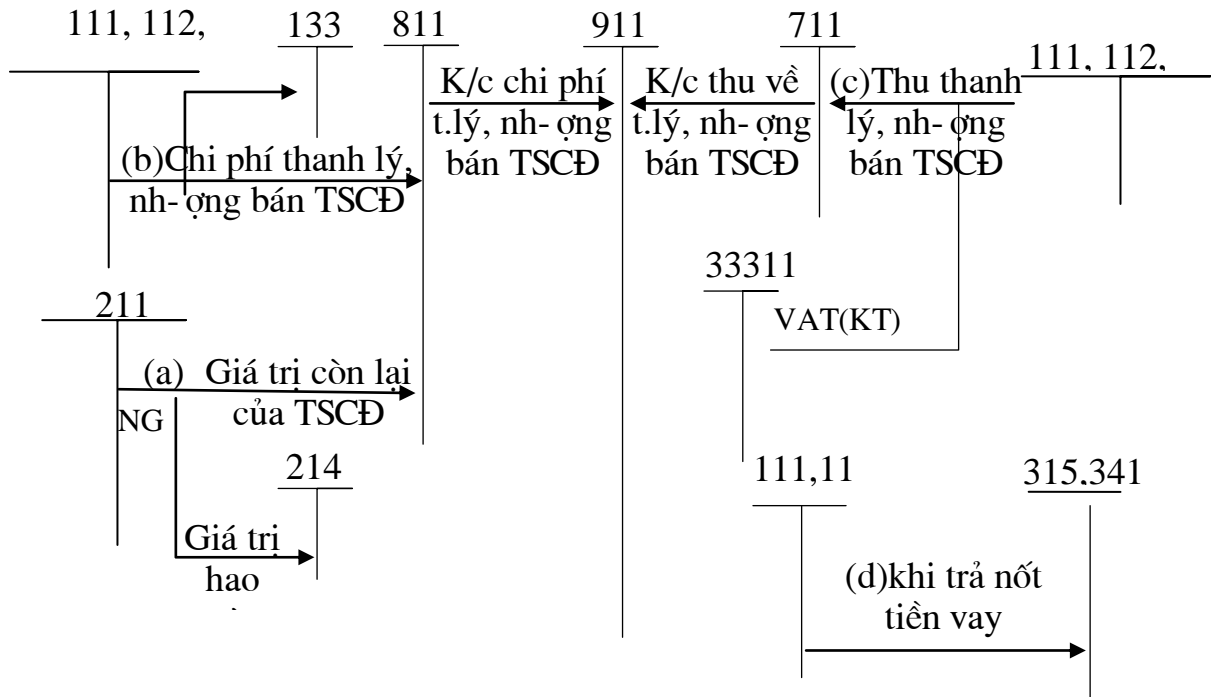
Th6: Trường hợp hình thành TSCĐ hữu hình từ việc trao đổi TSCĐ bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các Công ty cổ phần, nhận TSCĐHH cấp trên cấp, XDCB hoàn thành bàn giao



đồng thời xác định nguồn và ghi nh- THI

Sơ đồ 1.6: Kế toán tăng TSCĐ hữu hình từ việc trao đổi TSCĐ bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các Công ty cổ phần, nhận TSCĐHH cấp trên cấp, XDCB hoàn thành bàn giao

*** Nghiệp vụ giảm Tài sản cố định hữu hình.**



Sơ đồ 1.7: Kế toán giảm TSCĐH.

1.2.2 Kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình.

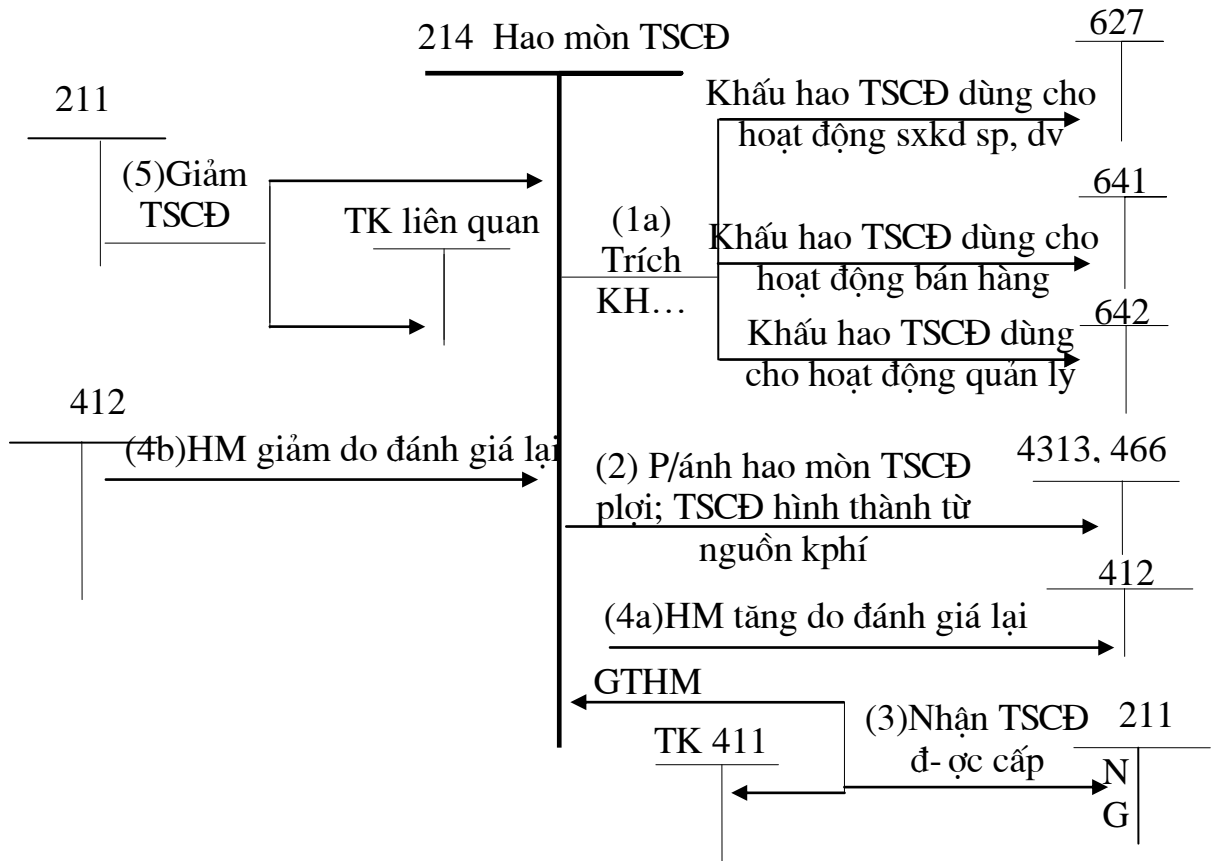
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.

- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐH.
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐH.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.

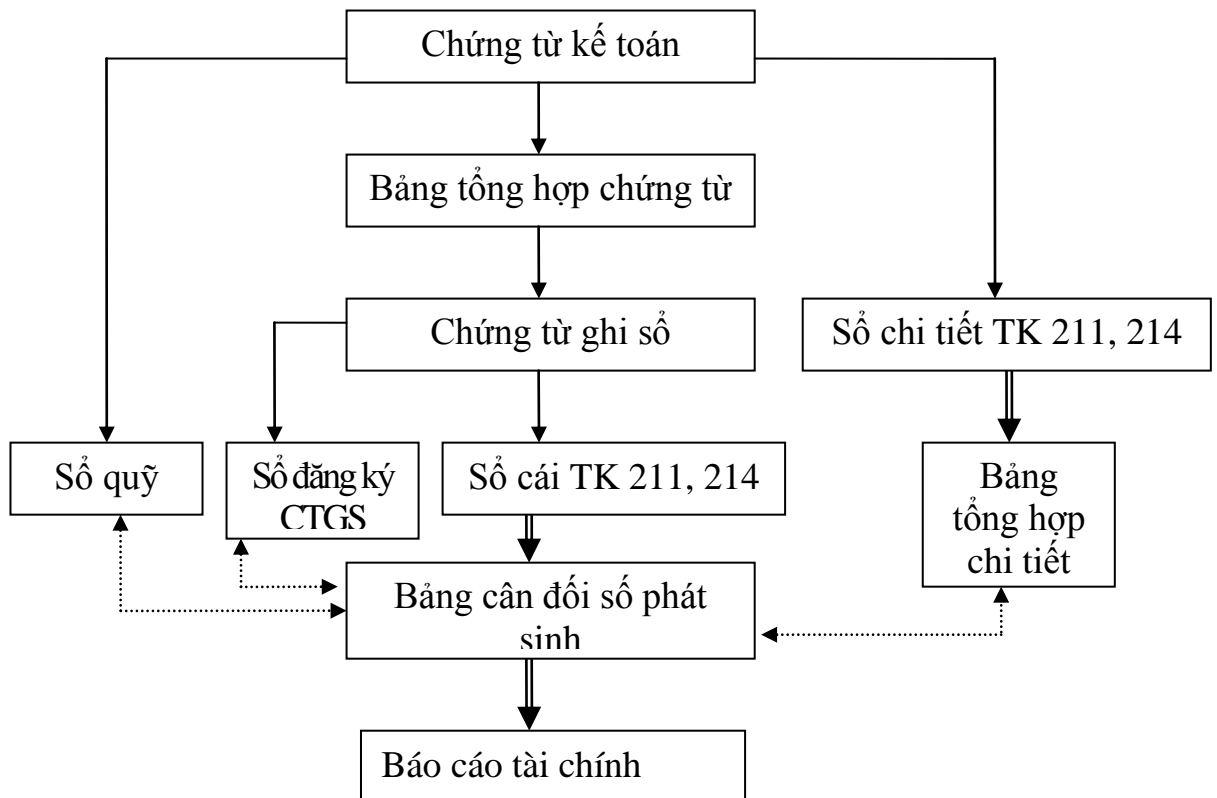
TK 214-hao mòn TSCĐ.

1.2.2.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.



Sơ đồ 1.8 Kế toán hao mòn TSCĐHH

1.3 Vận dụng hệ thống sổ sách trong tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định hữu hình.



Chương 2:

Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

2.1 Khái quát về công ty.

Tên: Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

Trụ sở giao dịch: Số 24 Phan Bội Châu - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Điện thoại: (031).3838847.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Công ty kinh doanh nhà thành phố Hải Phòng trực thuộc Sở xây dựng được thành lập theo quyết định số 139/QĐ – TTCP ngày 26/02/1994.

Năm 1995 sau khi Hải Phòng được giải phóng, UBND thành phố đã quyết định thành lập Chi cục quản lý nhà đất thành phố. Tháng 12 năm 1974 UBND thành phố đã quyết định đổi tên thành chi cục quản lý nhà đất thành công ty nhà cửa chuyên quản lý khối nhà công (khối nhà thuộc sở hữu nhà nước), còn sở nhà đất và công trình đô thị nay là sở xây dựng Hải Phòng đảm nhiệm toàn bộ công tác quản lý khối nhà tư. Thời gian này công ty nhà cửa có nhiệm vụ quản lý 21% nhà của thành phố gồm khoảng 600 trụ sở làm việc, cơ quan và trên 20.000 hộ dân.

Trong trào lưu đổi mới của cả nước, thực hiện theo ND 388/ TTg của thủ tướng Chính phủ, công ty nhà cửa được đổi tên thành Công ty kinh doanh nhà thành phố Hải Phòng. Tuy là một Công ty Kinh doanh nhà nhưng nhiệm vụ chủ yếu của công ty là quản lý, sửa chữa và đi thu tiền nhà (toàn bộ khối nhà công của thành phố).

Như vậy hoạt động của Công ty Kinh doanh nhà Hải Phòng vừa mang tính chất đơn vị hành chính sự nghiệp có thu vừa mang tính chất của một doanh nghiệp nhà nước.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thi công công trình xây dựng.
- Mua bán vật liệu xây dựng

- Kinh doanh bất động sản.
- Quản lý khai thác duy tu và phát triển nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước theo quyết định số 33/ TTg ngày 05/02/1993 của Thủ Tướng Chính phủ.
- Ký hợp đồng thuê nhà cho mọi đối tượng và thu nộp tiền thuê nhà đúng quy định nhà nước.
- Tổ chức thực hiện các quyết định về nhà cửa của UBND thành phố như tiếp nhận, quản lý thu hồi, điều chỉnh, giải toả, nhượng bán theo nhiều hình thức.
- Đầu tư phát triển nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước.
- Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, khai thác quỹ đất đô thị để phát triển nhà.
- Cải tạo nâng cấp, xây dựng nhà ở từ các nguồn vốn xây dựng nhà ở mang tính chất nhân đạo của tổ chức trong và ngoài nước.
- Tổ chức sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Tổ chức thiết kế thi công sửa chữa các công trình, trang chí nội thất công trình.

2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được của công ty trong những năm gần đây.

2.1.3.1 Khó khăn.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế hội nhập, giá cả leo thang từng ngày, tiền thuê nhà đã tăng so với trước nhiều nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu sửa chữa và tình trạng xuống cấp tương đối nghiêm trọng. Hàng năm có khoảng 300 ngôi nhà nguy hiểm từ cục bộ đến toàn diện. Hơn nữa thị trường về bất động sản càng ngày một sôi động dễ dẫn đến tranh chấp lấn chiếm...làm cho công tác quản lý phức tạp nay còn nhiều khó khăn hơn.

2.1.3.2 Thuận lợi.

Trong vài năm gần đây hoạt động của công ty rất hiệu quả đặc biệt trong công tác quản lý và thu tiền nhà đạt được những thuận lợi đáng kể: tổng diện tích nhà cho thuê tăng, doanh thu hoạt động sự nghiệp tăng. Về kinh doanh nhà đây mới chỉ là thời kì tập sự nên doanh thu không đáng kể. Đời sống cán bộ công nhân viên tương đối ổn định. Công ty còn nhận được hợp đồng sửa chữa,

nâng cấp cải tạo các khi nhà do nhà nước giao. Hàng năm Công ty còn hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của mình với ngân sách nhà nước.

2.1.3.3 Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong 3 năm qua.

Danh mục	Đv tính	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	%(08-07)	%(09-08)
Tổng diện tích cho thuê	M ²	597.467	454.330	384.813	76.04%	84.7%
Doanh thu hđ sự nghiệp	triệu	45.100	76.775	58.777	170.2%	76.5%
DT hđ kinh doanh	triệu	13.000	5.944	6.900	45.72%	116.08%

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý.

2.1.4.1 Ban giám đốc:

Đứng đầu công ty là giám đốc công ty do UBND thành phố Hải Phòng bổ nhiệm. Giám đốc công ty là người tổ chức và điều hành mọi hoạt động của công ty theo chế độ thủ trưởng đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, sở địa chính, các cơ quan chức năng có liên quan và trước tập thể người lao động của công ty.

Giám đốc trực tiếp chỉ đạo 4 phòng ban và 1 xí nghiệp:

- Phòng quản lý kinh doanh nhà .
- Phòng tổ chức hành chính.
- Phòng kế hoạch tài chính.
- Phòng kiểm tra xử lý.
- Xí nghiệp quản lý kinh doanh nhà.

Bộ máy giúp việc cho giám đốc là 2 phó giám đốc:

- Phó giám đốc phụ trách sửa chữa trực tiếp quản lý 1 phòng và 2 xí nghiệp: xí nghiệp sửa chữa và phát triển nhà, Xí nghiệp khảo sát thiết kế, Phòng quản lý sửa chữa.
- Phó giám đốc phụ trách kinh doanh quản lý 1 phòng và 1 xí nghiệp: Phòng dự án đầu tư phát triển và xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà.

2.1.4.2 Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:*** Phòng quản lý nhà:**

Đề xuất với giám đốc kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện các quyết định có thẩm quyền về tiếp nhận điều chuyển thu hồi cho thuê nhà. Thực hiện công tác lưu trữ, bảo quản hồ sơ nghiệp vụ. Thực hiện việc lập kế hoạch cho thuê nhà và nghĩa vụ thuế nhà đất và các loại thuế khác thuộc nhà và đất do công ty quản lý và cho thuê theo quy định hiện hành. Nghiên cứu và đề xuất các phương án. Khai thác các diện tích và dịch vụ dành cho người nước ngoài thuê tham mưu và tổ chức việc bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước. Làm thủ tục cho bên thuê được đầu tư kinh phí sửa chữa cải tạo nhà cho thuê theo quy định của pháp luật.....

*** Phòng quản lý sửa chữa nhà:**

Đề xuất và chủ trương đầu tư lập kế hoạch sửa chữa, cải tạo và xây dựng nhà theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Kiểm tra hiện trạng các công trình theo kế hoạch thường xuyên và đột xuất. Thẩm định các hồ sơ thiết kế. Tổ chức giao thầu thiết kế thi công các công trình. Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình...

*** Phòng tổ chức hành chính:**

Tham mưu đề xuất xây dựng mô hình tổ chức quản lý bộ máy sản xuất kinh doanh. Quản lý và theo dõi số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên. Xây dựng quy hoạch cán bộ, lập kế hoạch đào tạo tuyển dụng lao động, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch và nhiệm vụ hàng năm. Hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành và thực hiện các quy định về an toàn lao động, về BHXH, cấp phát bảo hộ lao động và các chính sách khác. Thực hiện công tác tuyên truyền và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước và quy định của công ty. Theo dõi quản lý các diễn biến về lương, thực hiện chế độ nâng lương, chế độ nghỉ phép, chế độ công tác...

*** Phòng dự án đầu tư phát triển nhà:**

Tham mưu đề xuất với giám đốc công ty lập kế hoạch, phương án triển khai các dự án đầu tư, kinh doanh và phát triển nhà của công ty. Tham mưu với giám đốc công ty tiến hành thực hiện và giao thầu công tác chuẩn bị đầu tư của các dự

án kinh doanh, dự án đầu tư xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà. Tổ chức giao thầu thiết kế thi công các công trình theo quy định, theo dõi, giám sát hiện trường và tiến hành các thủ tục nghiệm thu bàn giao công trình theo quy định. Thẩm định giá trị quyết đoán các công trình bằng nguồn vốn ngân sách và quyết đoán các dự án kinh doanh phát triển nhà theo quy định trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề xuất phản ánh, chủ trì việc giải phóng mặt bằng và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án. Tổ chức thực hiện các dịch vụ, kinh doanh về nhà đất. Chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn cho các đơn vị thành viên thực hiện công tác kinh doanh phát triển nhà theo quy định của nhà nước.

* Xí nghiệp quản lý kinh doanh nhà :

Thực hiện việc quản lý toàn bộ diện tích nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước của công ty đang quản lý giao cho xí nghiệp. Thực hiện việc thu tiền cho thuê nhà trên diện tích được giao quản lý theo hợp đồng mà công ty đã ký kết với bên thuê. Riêng các khoản thu tiền từ dịch vụ khác được thực hiện theo sự phân cấp của công ty. Thực hiện việc kiểm tra, xác minh thiết lập hồ sơ đối với các trường hợp chuyển dịch, chuyển giao thay người đại diện hợp đồng cấp lại ra hạn hợp đồng thuê nhà hoặc các trường hợp giải quyết khác liên quan đến việc ký kết hợp đồng thuê nhà đối với nhà thuộc Công ty quản lý trình giám đốc công ty phải duyệt.

* Xí nghiệp sửa chữa và phát triển nhà:

Thi công, sửa chữa và xây dựng mới các công trình do công ty giao theo kế hoạch và yêu cầu đột xuất cấp thiết phù hợp với các chủ trương đầu tư từng giai đoạn và đặc thù của công tác sửa chữa. Chủ động khai thác và thầu thi công các công trình và các chủ đầu tư khác theo giấy phép hành nghề và quy định của nhà nước. Tổ chức chế biến và kinh doanh vật liệu xây dựng.

* Xí nghiệp khảo sát thiết kế:

Khai thác thiết kế lập dự toán công trình theo kế hoạch và yêu cầu, cấp thiết phù hợp với chủ trương đầu tư từng giai đoạn và đặc thù của công tác sửa chữa. Bảo vệ sản phẩm thiết kế trước cơ quan xét duyệt. Thực hiện nhiệm vụ quyền

tác giả theo luật định, nhận thầu thiết kế. Là thành viên hội đồng nghiệm thu công trình theo luật định.

*** Phòng kế hoạch tài chính:**

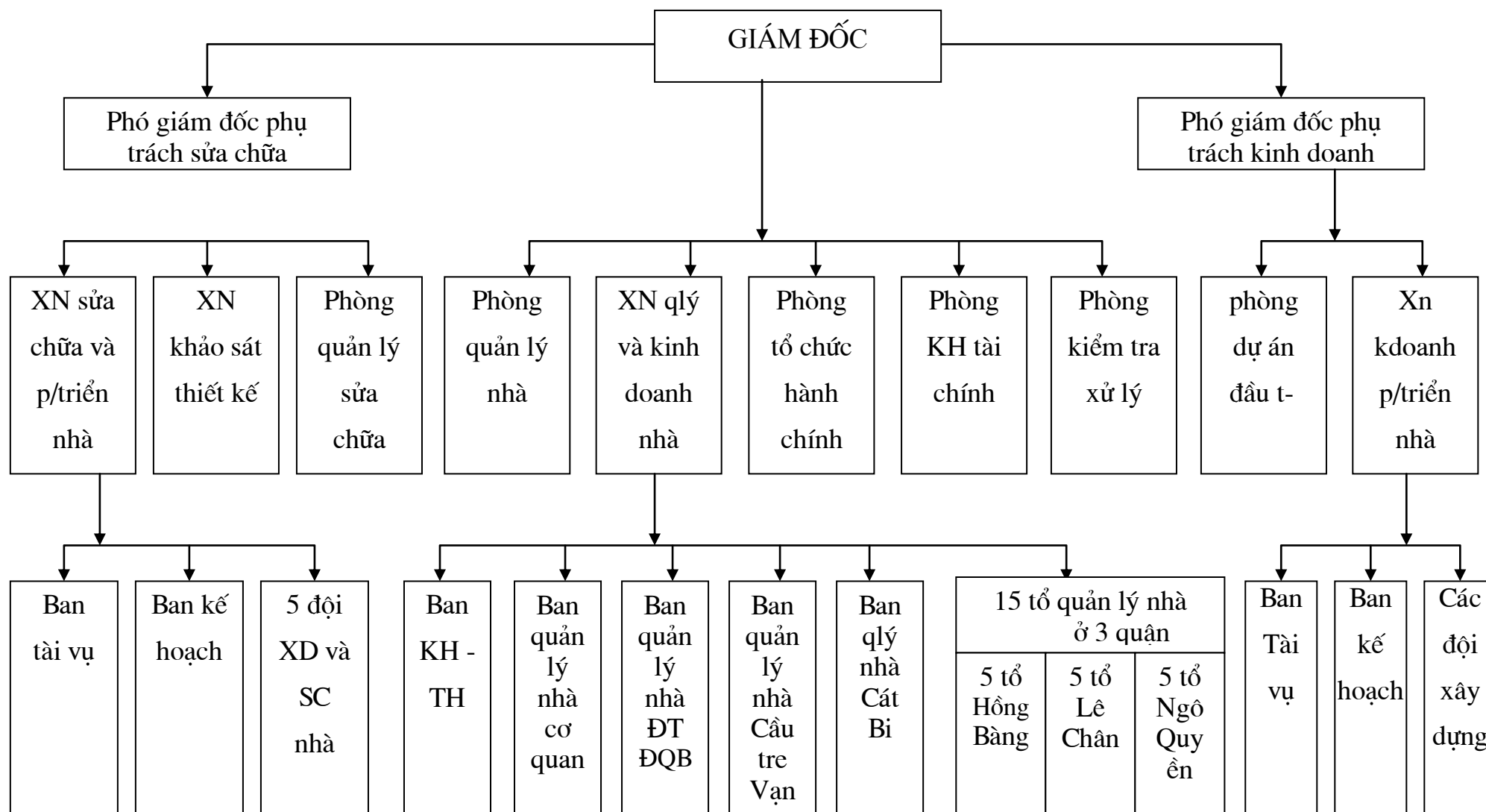
Thông qua công tác tài chính kế toán có trách nhiệm giúp giám đốc công ty trong việc quản lý thu chi ngân sách nghiên cứu cải tiến tổ chức sản xuất kinh doanh nâng cao hiệu quả đồng vốn. Khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh, đảm bảo phát huy chế độ tự chủ tài chính của đơn vị. Thực hiện nghiệp vụ công tác tài chính - kế toán trong quản lý, tạo vốn, sử dụng vốn, bảo toàn vốn lập kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. thực hiện mở sổ sách kế toán ghi chép tính toán và phản ánh báo cáo chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ... Thực hiện việc tính toán trích nộp đúng, kịp thời các khoản nộp ngân sách, các khoản nộp cấp trên. Tổ chức hệ thống nghiệp vụ, hướng dẫn thực hiện công tác tài chính kế toán, hạch toán. thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc việc bảo quản sổ sách chứng từ, quỹ kết.....

*** Xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà:**

Kinh doanh các công trình do Công ty giao cho theo kế hoạch. Tổ chức chế biến kinh doanh vật liệu xây dựng.

*** Phòng kiểm tra xử lý:**

Kiểm tra toàn bộ nhà cho thuê Công ty quản lý xem có trường hợp nào lấn chiếm vi phạm hợp đồng với công ty để xử lý.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Hiện nay công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán vì cấp dưới công ty có 3 đơn vị hạch toán độc lập tự làm ăn tự chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đó là Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp sửa chữa và phát triển nhà, xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà, 3 XN này có bộ máy kế toán đầy đủ.

Trưởng phòng (1 người): Tổ chức quản lý và điều hành các nghiệp vụ của phòng theo chức năng nhiệm vụ quyền hạn được công ry giao và chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về nội dung công việc quy định tại các khoản điều V của công ty.

Phó phòng: bao gồm 2 phó phòng. 1 phó phòng phụ trách kế toán và 1 phó phòng phụ trách kế hoạch, điều hành các hoạt động theo chức danh của phòng khi trưởng phòng đi vắng và chịu trách nhiệm trước giám đốc và trưởng phòng những việc này.

Kế toán doanh thu: gồm 5 người trong đó 3 người kiêm kế toán xây dựng cơ bản, lương và BHXH.

- Kế toán XDCCB: tham mưu trong những việc theo dõi kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán các công trình sửa chữa XDCCB. Mở sổ chi tiết tài khoản phải trả cho người bán, XDCCB dở dang, phải trả nội bộ, phải thu nội bộ và theo dõi hoạt động kinh tế sửa chữa...Kiểm tra số liệu và thủ tục thanh quyết toán, tạm ứng các công tác sửa chữa, là thành viên tham gia thu hồi vật tư. Hàng quý lập báo có chi tiết, định kỳ 1 năm tiến hành công việc đối chiếu xác minh công nợ nhằm đảm bảo tính thực tế của số liệu kế toán trong tranh toán vốn XDCCB.

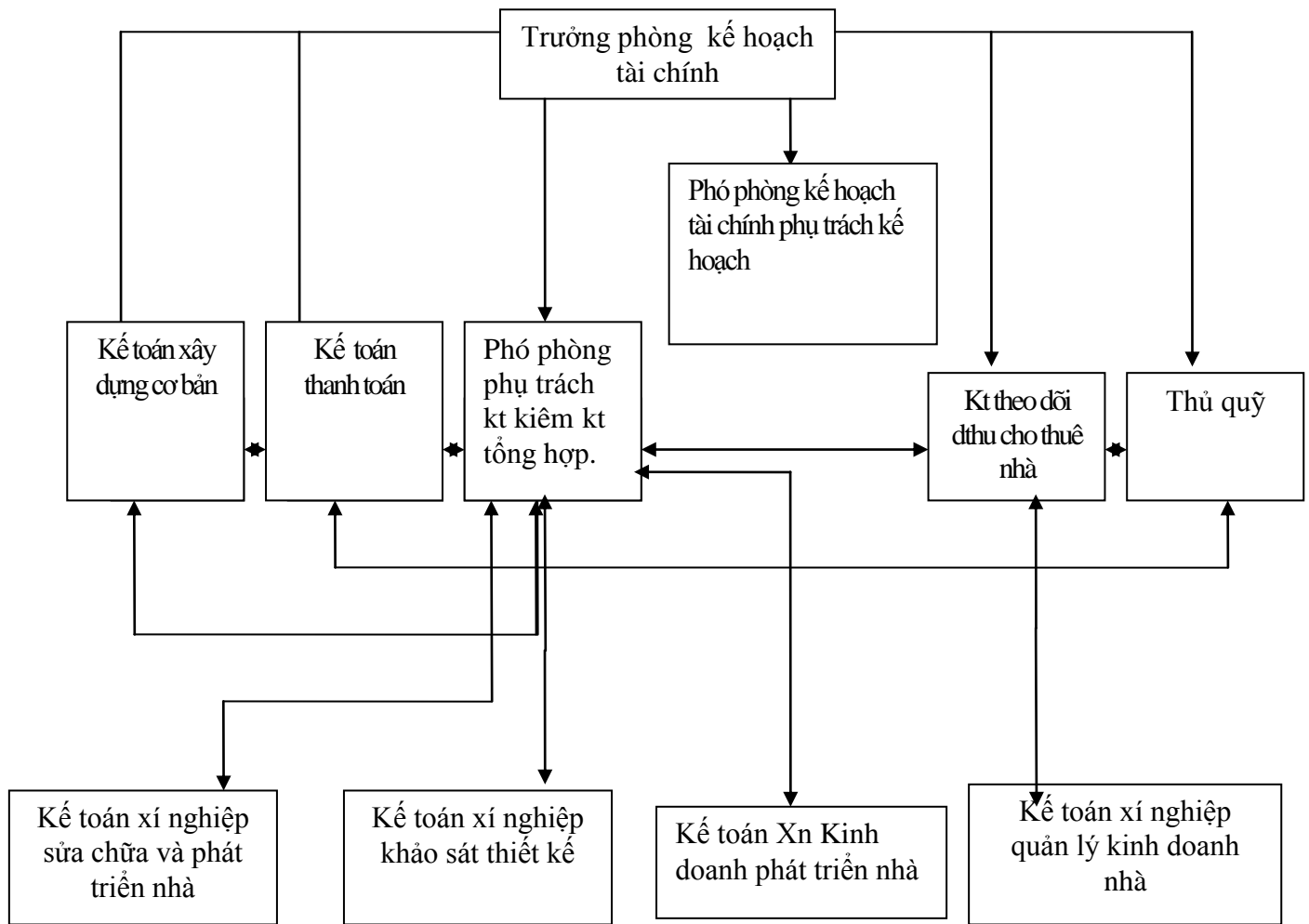
- Kế toán lương, BHXH: thực hiện thanh toán lương và lương BHXH cho cán bộ công nhân viên, mở sổ thanh toán lương cho từng cán bộ công nhân viên theo từng bộ phận phòng ban sổ tổng hợp thanh toán lương. Phân tích lương khoán, lương theo thời gian. Thực hiện ghi chép kế toán lương, khoản trích và thanh toán BHXH, BHYT, KPCĐ và các khoản thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên.

- Kế toán doanh thu: Theo dõi chi tiết và tổng hợp toàn bộ doanh thu, lập

các báo cáo định kỳ và kết quả thu theo tháng năm. Hàng ngày cập nhật vào sổ kịp thời chính xác dựa vào biên lai thu ...

Thủ quỹ (1 người): thu chi tiền mặt theo phiếu được lập đúng quy định hàng ngày đi ngân hàng nộp rút tiền mặt về quỹ theo quy định của nhà nước, vào sổ kịp thời những khoản thu đối với kế toán thanh toán cuối ngày rút số dư tồn quỹ, cuối ngày phải tiến hành kiểm quỹ, cuối tháng kiểm kê quỹ lập biên bản.

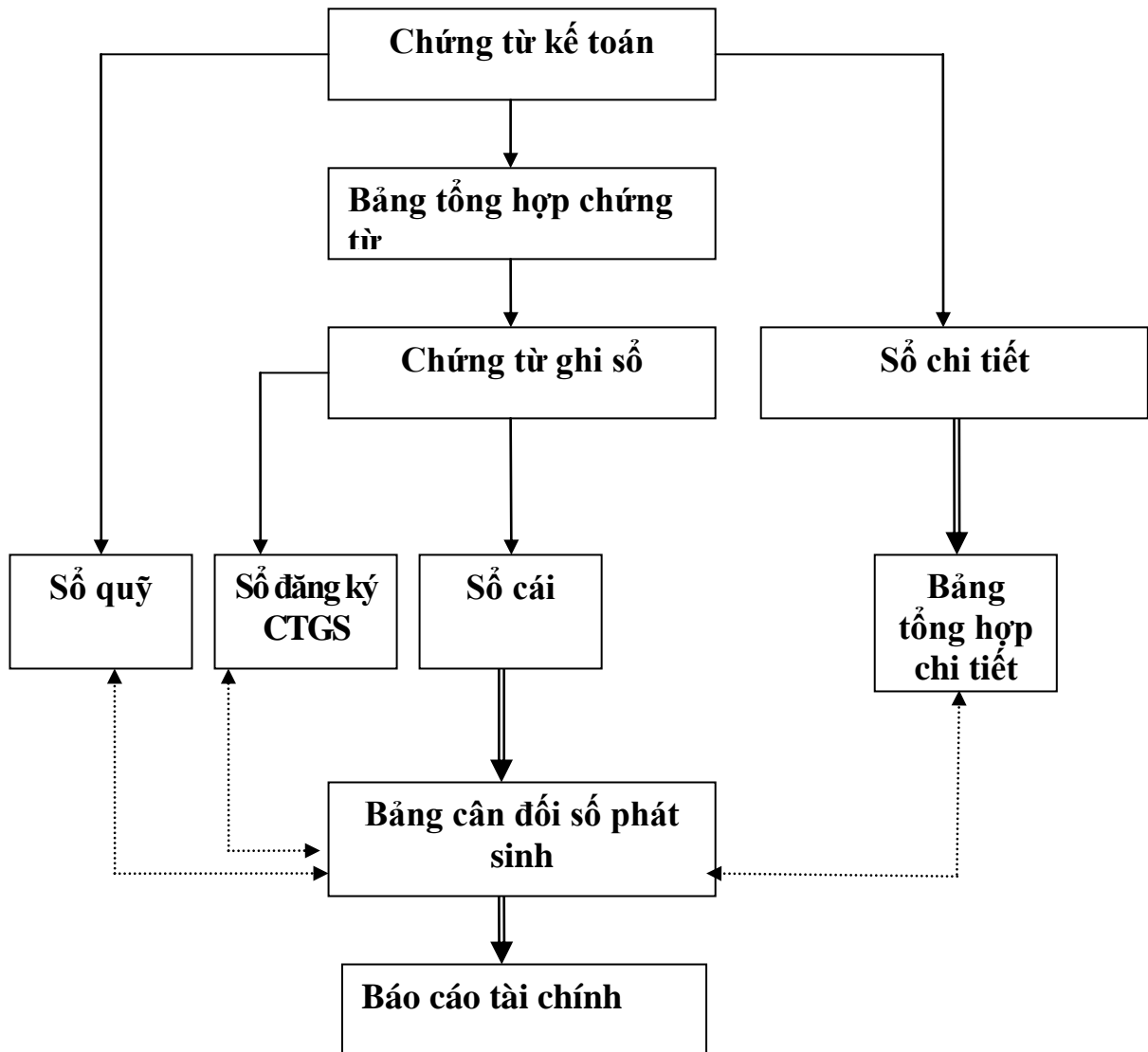
Kế toán thanh toán (1 người): kiểm tra tính hợp pháp chứng từ, mở sổ theo dõi các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tạm ứng, công cụ dụng cụ, các nghiệp vụ phát sinh trong ngày. Theo dõi tiền gửi tại ngân hàng, đối chiếu thủ quỹ các khoản chi thu trong ngày, xác định tồn quỹ cuối ngày, cuối tháng. Lập chứng từ ghi sổ và hàng ngày đối chiếu, vào sổ chi tiết theo dõi tiền thanh lý nhà. Kiểm tra việc viết phiếu nhập kho. Đôn đốc các đơn vị cá nhân thanh toán hoàn tạm ứng.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

2.1.6 Tổ chức hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty đã vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.



→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng

↔ Đối chiếu, kiểm tra số liệu.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán

*Hệ thống chứng từ áp dụng tại công ty: Hệ thống chứng từ áp dụng của công ty đa dạng và thường xuyên vận động, được lập theo mẫu do nhà nước quy định.

- + Biên lai thu tiền thuê nhà: được sử dụng chủ yếu.
- + Phiếu chi, phiếu thu.
- + Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.
- + Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- + Séc chuyển khoản.
- +

* Hệ thống các tài khoản: Công ty đã áp dụng các tài khoản kế toán theo đúng quy định, chuẩn mực kế toán.

- * Hệ thống báo cáo tài chính:
 - + Bảng cân đối kế toán.
 - + Báo cáo kết quả kinh doanh.
 - + Bảng luân chuyển tiền tệ.
 - + Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.1.7. Vận dụng chế độ kế toán tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

Báo cáo tài chính của công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán doanh nghiệp xây lắp.

Niên độ kế toán bắt đầu ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm. Hình thức kế toán áp dụng theo chứng từ ghi sổ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: theo đồng Việt Nam. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền sử dụng trong kế toán theo tỷ giá do ngân hàng thông báo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc, bình quân gia quyền. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: kê khai thường xuyên. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo quy định tại chuẩn mực số 02 “ Hàng tồn kho “.

Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá. Phương pháp khấu hao TSCĐ là phương pháp đường thẳng theo quyết định số 15/2006 - BTC.

Kế toán các khoản đầu tư tài chính: Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay: được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh theo số thực tế phải trả. Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

2.2.1 Kế toán tài sản cố định hữu hình.

*** Đặc điểm tài sản cố định hữu hình tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.**

TSCĐHH của công ty chủ yếu đ- ợc đầu t- bằng vốn ngân sách(gồm cả vốn đầu t- từ Nhà n- ớc và nguồn kinh phí sự nghiệp), ngoài ra có vốn tự bổ sung và vốn vay (hình thức vay để đầu t- TSCĐHH ch- a xuất hiện th- ờng xuyên).

Đặc điểm của TSCĐHH là những tài sản có giá trị lớn, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất mà vẫn giữ đ- ợc hình thái vật chất ban đầu cho đến khi h- hỏng phải loại bỏ; đồng thời, tài sản cố định hữu hình cũng bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng, (riêng với những tài sản dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị của chúng dịch chuyển dần dần, từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh), do vậy đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ cả về giá trị và hiện vật.

Về mặt giá trị: do Phòng kế toán phụ trách. Phòng tài chính sẽ trực tiếp lập sổ sách kế toán theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ theo chỉ tiêu giá trị. Tính toán ghi chép việc trích khấu hao, thu hồi vốn để tái đầu t- .

Về mặt hiện vật :

- Những TSCĐHH là nhà cửa vật kiến trúc do bộ phận xây dựng cơ bản thuộc phòng Hành chính quản lý.

- Những TSCĐHH còn lại do phòng Kỹ thuật trực tiếp lập sổ sách theo dõi.

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.

- Biên bản giao nhận TSCĐHH

2.2.1.1 Tài khoản sử dụng.

Kế toán sử dụng TK 211- TSCĐHH- để phản ánh tình hình tăng giảm TSCĐHH của doanh nghiệp với các tài khoản chi tiết:

TK 2111- Đất.

TK 2112- Nhà cửa, vật kiến trúc.

Tk 2113- Máy móc, thiết bị.

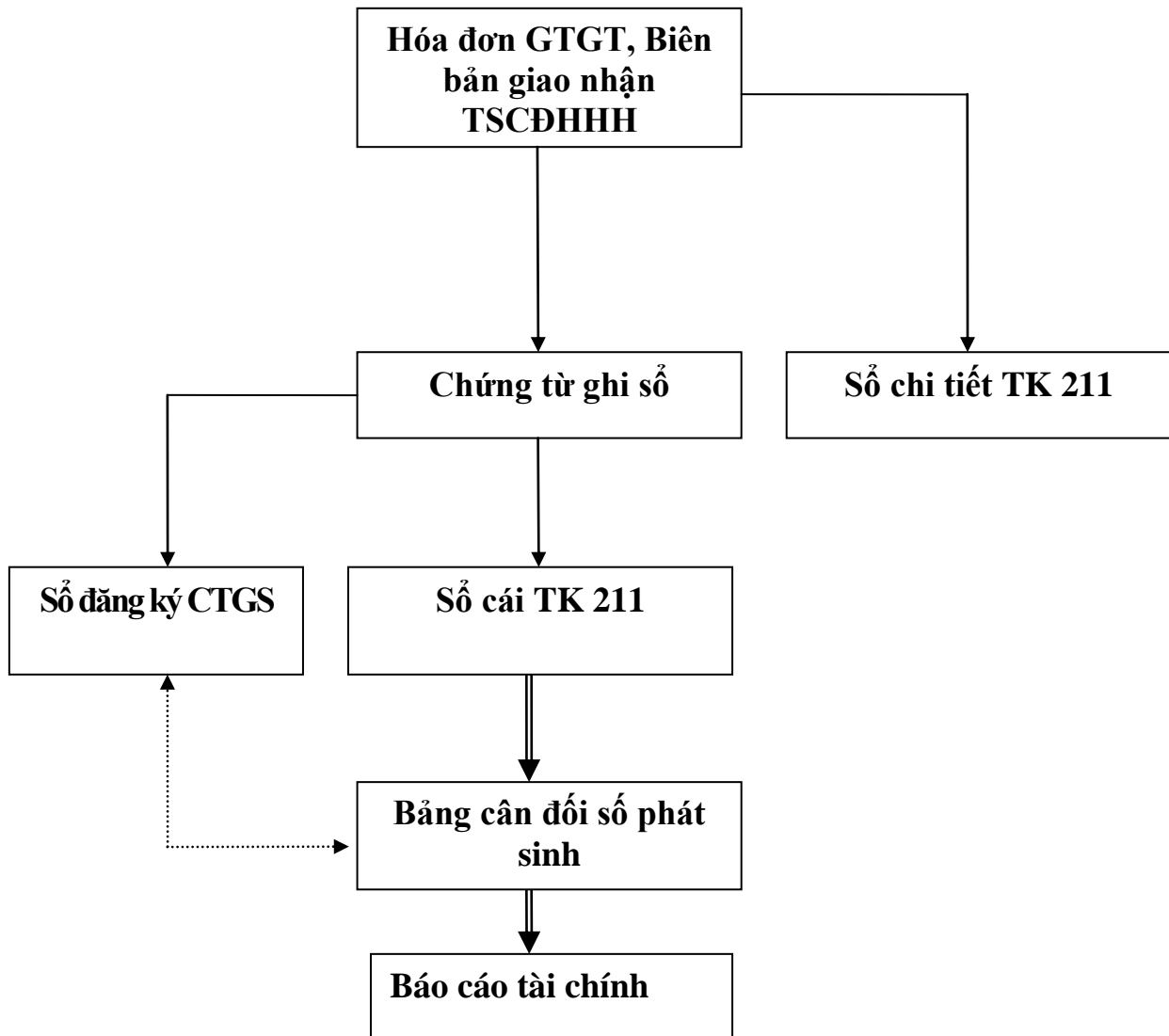
TK 2114- Phương tiện vận tải, truyền dẫn.

TK 2115- Thiết bị, dụng cụ quản lý.

TK 2118- TSCĐ khác.

2.2.1.3 Quy trình kế toán.

Quy trình kế toán tăng, giảm TSCĐHHT:



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán tăng, giảm TSCĐ

*** Ví dụ thực tế về tăng TSCĐHH**

Ví dụ: Tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng, ngày 14/8/2009 mua xe ô tô MISHUBISHI JOLIE 8 chỗ ngồi của công ty An Dân với giá mua 25.682 USD(tương đương 488.214.820 đồng), thuế GTGT 10%, tổng số tiền thanh toán là 537.036.302 đồng. Đồng thời, công ty cũng lắp đặt thêm một số thiết bị khác trên xe với giá trị: 5.630.000 đồng, thuế GTGT 10%, tổng số tiền thanh toán 6.193.000 đồng.

Các chứng từ liên quan:

- + Giấy đề nghị mua xe ô tô
- + Quyết định về việc mua xe ô tô
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + hồ sơ xe bao gồm:- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, hóa đơn bán hàng; Lệnh và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ ; Sổ bảo hành; Giấy thông báo thuế, phụ thu; Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật...
- + Biên bản bàn giao xe , biên bản bàn giao hồ sơ xe
- + Biên bản Thanh lý hợp đồng; Hóa đơn Giá trị gia tăng

Trích một số chứng từ:

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số 819/0706/HĐMB

Căn cứ luật dân sự số 33/2005 /QH ngày 14/6/2005 của Quốc hội n- ớc
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005

Căn cứ vào luật Th- ơng mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc
Hội n- ớc cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày 13 tháng 07 năm 2009, chúng tôi gồm có:

Bên Mua : công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

Địa chỉ: 24 – Phan Bội Châu – Hải Phòng

Tel/Fax: (031).3838847

TK: 102010000207674-Ngân hàng Công th- ơng Lê Chân-Hải Phòng

MST:02000145316

Đại diện ông: Đặng Quang Hưng - chức vụ: Phó giám đốc

Bên Bán:Công ty An Dân

Địa chỉ: 583 Nguyễn Văn Cừ- Gia thuy -Long biên-Hà Nội

Tel :048.735.719

Tài khoản: 16567.630.0

Tại Ngân hàng TMCP Quân đội -chi nhánh Điện Biên Phủ-HN

MST :0100239169

Đại diện(bà) : Tạ Tú Trinh - chức vụ: Tổng giám đốc

Hai bên thống nhất thoả thuận các điều khoản mua bán xe ô tô Mishubishi
nh- sau:

điều 1:Bên mua nhất trí ô tô của bên bán với nội dung cụ thể nh- sau:

1.1.Loại xe-số l- ợng-giá cả:

Loại xe	Số l- ợng	đơn giá	Thành tiền
Xe ô tô 8 chỗ ngôi,hiệu Mishubishi Jolie..	01	25.682USD Thuế VAT:2.568 USD Tổng cộng:28.250USD	28.250USD
Bằng chữ: Hai m- ời tám nghìn hai trăm năm m- ời đô la mỹ			

1.2.Chất l- ợng xe: xe mới 100% đ- ợc lắp ráp tại VN của nhà sản xuất công ty LDSX ô tô Ngôi sao

1.3.Phụ tùng kèm theo xe:

Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất ,phụ tùng kèm theo là 01bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Điều 2:Ph- ợng thức thanh toán

Bên mua thanh toán cho bên bán theo 2 đợt

Đợt 1:bên mua thanh toán cho bên bán 80% giá trị hợp đồng ngay sau khi kí hợp đồng

Đợt 2:bên mua thanh toán cho bên bán 20% giá trị hợp đồng còn lại sau khi nhận xe và hồ sơ xe

Ph- ợng thức thanh toán:

Bằng chuyển khoản bằng tiền đồng VN t- ợng đ- ợng đ- ợc chuyển đổi theo tỷ giá bán ra của NHNT ghi trong bản tin nhanh thị tr- ờng phát nhanh.

Tên ng- ời nhận: Công ty An Dân

Địa chỉ : 583 Nguyễn Văn Cừ – Long Biên – Hà Nội.

Số TK:165676300

Tại NH TMCP quânđội -chi nhánh Điện Biên Phủ- HN

Điều 3: Điều kiện giao hàng

3.1. Thời gian giao hàng:48 ngày kể từ ngày hai bên kí kết hợp đồng (13/7/2009)

3.2. Địa điểm: Tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

Điều 4: Bảo hành, bảo d- ỡng

Xe đ- ợc bảo hành 4 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hoặc 50.000km đầu tiên tùy theo điều kiện nào đến tr- ớc ,theo đúng nh- ị qui ghi trong sổ tay

h- ớng dẫn bảo d- ỡng do bên bán cung cấp tại trung tâm dịch vụ và sửa chữa ô tô An Dân hoặc các đại lý uỷ quyền của VINASTAR trên toàn quốc

Bảo d- ỡng: kiểm tra miễn phí tr- ớc khi giao xe

Kiểm tra bảo d- ỡng miễn phí khi xe chạy được 1000 km.5000km đúng theo qui định của nhà sản xuất

Điều 5: Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí.Nếu qua thời hạn thanh toán nh- ã qui định tại điều 2 của hợp đồng mà bên mua vẫn ch- a thanh toán đầy đủ cho bên bán thì bên bán sẽ gửi công văn thông báo cho bên mua(không quá 10 ngày kể từ khi hết hạn).Sau thời hạn trên bên mua vẫn ch- a thanh toán hết cho bên bán thì bên bán sẽ chấm dứt hợp đồng và phát mại chiếc xe.Mọi chi phí phát sinh do bên mua chịu.

Điều 6: Điều khoản chung

Hai bên cam kết tôn trọng thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng,không huỷ ngang hợp đồng.Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng này có tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết trên cơ sở th- ơng l- ợng giữa hai bên .Tr- ờng hợp không thoả thuận giải quyết đ- ợc thì chuyển lên toà án kinh tế Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền. Mọi bổ sung ,sửa đổi của hợp đồng chỉ có giá trị khi có sự nhất trí bằng văn bản của hai bên.

Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày kí. Hợp đồng này đ- ợc thể hiện bằng tiếng Việt và lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản có hiệu lực pháp lý nh- nhau.

Đại diện bên mua

Đặng Quang Hưng

Đại diện bên bán

Tạ Tú Trinh

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO XE, THIẾT BỊ VÀ HỒ SƠ

Căn cứ hợp đồng số 819/0706/HĐMB ngày 13 tháng 7 năm 2009

Hôm nay, ngày 14/8/2009 tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng. Chúng tôi gồm:

Bên A: công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

Địa chỉ: 24 – Phan Bội Châu – Hải Phòng

Đại diện: ông Đặng Quang Hưng - chức vụ: PGĐ công ty kinh doanh nhà Hải phòng

Vũ Văn Hậu- chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật phòng KT công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

Bên B: Công ty An Dân

Đại diện: Nguyễn Thanh Tùng

Bên B tiến hành bàn giao xe cho bên A với nội dung sau:

I/ Xe ô tô:

Loại xe: Mishubishi Jolie

Màu sơn đen X08

Số khung:RLA00VB2U51001993

Số máy:4G63RZ05593

Chất lượng xe : mới 100% theo đúng tinh thần hợp đồng

Các thiết bị kèm theo;Bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

II/ Hồ sơ bàn giao

Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng

Hoá đơn bán hàng

Bảng kê số máy

Tờ khai hàng hoá xuất,nhập khẩu

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Sổ bảo hành

Lệnh và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Giấy thông báo thuế,phụ thu

Sổ tay hướng dẫn cho chủ xe

Bên nhận đã nhận xe đầy đủ theo tình trạng đã nêu trên.Biên bản được lập thành 02 bản,mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và làm căn cứ để thanh lý hợp đồng mua bán.

Đại diện bên nhận

Đại diện bên giao

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
Giá trị gia tăng		NA/2009B			
Liên 2: Giao khách hàng		0058649			
Ngày 23 tháng 8 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:..... Công ty An Dân.....					
Địa chỉ:.....583 Nguyễn Văn Cừ- Gia Thụy -Long biên-Hà Nội.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....MST:0100239169					
Họ tên ng- ời mua hàng:.....					
Tên đơn vị:..... Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.....					
Địa chỉ:..... 24 - Phan Bội Châu – Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:...TM/CK..... MS:0200145316					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Xe ô tô 08 chỗ ngồi hiệu MISHUBISHI JOLIE mới 100% màu đen. Số khung RLA00VB2W51001933	C	01	25.682 USD	25.682 USD
Cộng tiền hàng: (VNĐ)					488.214.820
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT: (VNĐ)					48.821.482
Tổng cộng tiền thanh toán:					537.036.302
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm m- ời hai triệu ba trăm ba m- ời chín nghìn đồng chẵn					
Ng- ời mua hàng		Ng- ời bán hàng		Thủ tr- ợng đơn vị	

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
Giá trị gia tăng		NA/2009B			
Liên 2: Giao khách hàng		0013568			
Ngày 24 tháng 8 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:..... Công ty CPTM vật t- tổng hợp Lê Chân.....					
Địa chỉ:..... 119- Tô Hiệu- Lê Chân-Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....MST: 0100233456					
Họ tên ng- ời mua hàng:.....					
Tên đơn vị:..... Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.....					
Địa chỉ:..... 24 - Phan Bội Châu - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:... 10200000207674 tại NH công th- ơng Lê Chân- Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán:... TM..... MST: 0200145316					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cân tr- ớc +sau	Bộ	01	2.400.00	2.400.000
2	Giá nóc DL	Cái	01	1.500.00	1.500.000
3	Che m- a	Bộ	01	400.000	400.000
4	Che nắng	Bộ	01	240.000	240.000
5	đèn s- ơng mù	Cái	01	230.000	230.000
6	ốp g- ơng	Bộ	01	410.000	410.000
7	Ghế	Cái	02	100.000	200.000
8	thảm	Xe	01	250.000	250.000
Cộng tiền hàng:					5.630.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					563.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.193.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu một trăm chín m- ời ba nghìn đồng chẵn					
Ng- ời mua hàng		Ng- ời bán hàng		Thủ tr- ợng đơn vị	

Cuối tháng, căn cứ vào hóa đơn GTGT và biên bản bàn giao xe của công ty An Dân kế toán ghi sổ nh- sau:

SỔ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

Mẫu số S02a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 0806

Tại ngày 31 tháng 08 năm 2009

Hạch toán tăng TSCĐ

Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền	Ghi chú
Mua Xe ô tô 08 chỗ ngồi hiệu MISHUBISHI JOLIE mới 100% màu đen. Số khung RLA00VB2W51001933	211 211	111 112	100.000.000 388.214.820	
Các phụ kiện làm tăng NG	211	111	6.193.000	
Cộng			494.407.820	

Kèm theo chứng từ gốc

Người ghi sổ

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S02b – DN

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tại ngày 31 tháng 08 năm 2009

CTGS		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
0801	31/08/09	10.836.000
0802	31/08/09	53.719.540
0803	31/08/09	2.501.600.000
0804	31/08/09	1.900.000.000
0805	31/08/09	563.890.000
0806	31/08/09	494.407.820
.....
Cộng phát sinh:		10.987.589.241
Cộng lũy kế từ đầu quý:		

Ngày tháng năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 2114

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Tháng 08 năm 2009

Tất cả các đối tượng chi tiết

CTGS	Số CT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Đối tượng chi tiết: 2114KA – Xe ô tô của ban QLN quận Kiến An						
Cộng đối tượng: 2114KA				Dư đầu kỳ	391.896.000	
Xe ô tô của ban QLN quận Kiến An				Phát sinh trong kỳ	0	0
				Lũy kế phát sinh	0	0
				Dư cuối kỳ	391.896.000	
.....
Đối tượng chi tiết: 2114MSX08 – Nguyên giá ô tô Mishubishi Jolie Màu sơn đen X08						
081402	0058649	23/08	Mua mới ô tô Mishubishi Jolie của công ty An Dân	111	100.000.000	
				112	388.214.820	
081402	0013568	24/8	Các phụ kiện làm tăng NG	111	6.193.000	
Cộng đối tượng: 2114MSX08				Dư đầu kỳ	0	
Nguyên giá ô tô Mishubishi Jolie Màu sơn đen X08				Phát sinh trong kỳ	494.407.820	
				Lũy kế phát sinh	494.407.820	
				Dư cuối kỳ	494.407.820	
Cộng tài khoản: 2114				Dư đầu kỳ	39.027.085.700	0
Phương tiện vận tải, truyền dẫn				Phát sinh trong kỳ	494.407.820	0
				Lũy kế phát sinh	494.407.820	0
				Dư cuối kỳ	39.521.493.520	0

Ngày tháng năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 2114

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Tháng 08 năm 2009

CTGS	Số CT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	
081402	0058649	23/08	Tặng TSCĐHH do mua mới ô tô Mishubishi Jolie của công ty An Dân	111 112	100.000.000 388.214.820		
081402	0013568	24/8	Các phụ kiện làm tặng NG	111	6.193.000		
Cộng tài khoản: 2114					Dư đầu kỳ	39.027.085.700	0
Phương tiện vận tải truyền dẫn					Phát sinh trong kỳ	494.407.820	0
					Lũy kế phát sinh	494.407.820	0
					Dư cuối kỳ	39.521.493.520	0

NGƯỜI GHI SỔ

Ngày tháng năm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*** Ví dụ thực tế về giảm TSCĐHH**

Ví dụ: ngày 30/9/2009, công ty kinh doanh nhà Hải Phòng tiến hành bàn giao nhà số 22 Hồ Xuân Hương. Nguyên giá là 6.305.596.000. Giá trị còn lại là 5.885.222.934.

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Công ty kinh doanh nhà

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng

Số:/BB

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN

Giữa Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng(bên giao) và
Sở ngoại vụ thành phố Hải Phòng.(bên nhận)

Hôm nay ngày 30 tháng 09 năm 2009 tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng đã tiến hành cuộc họp bàn giao tài sản giữa Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng (bên giao) và Sở ngoại vụ thành phố Hải Phòng (bên nhận) thực hiện theo quyết định của UBND thành phố Hải Phòng ngày 30 tháng 08 năm 2009

I/ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1/ Bên giao:

- Ông: Vũ Tá Hòa - Chức vụ: Giám đốc công ty kinh doanh nhà Hải Phòng
- Ông: Đặng Quang Hưng - Chức vụ: Phó Giám đốc công ty kinh doanh nhà Hải Phòng
- Bà: Phan Thị Mai Sa - Chức vụ: Trưởng phòng tài chính công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

2/ Bên nhận:

- Ông: Phạm Hữu Thư - Chức vụ: Giám đốc sở ngoại vụ thành phố Hải Phòng
- Ông: Hoàng Xuân Sơn - Chức vụ: Phó giám đốc sở ngoại vụ thành phố Hải Phòng
- Ông: Lê Văn Quý - Chức vụ: Phó giám đốc sở ngoại vụ thành phố Hải Phòng

II/ NỘI DUNG BÀN GIAO:

Bên giao đã tiến hành bàn giao tài sản cho bên nhận theo biểu thống kê sau:

Bản thông kê tài sản bàn giao

Số TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nhà số 22 Hò Xuân Hương		1	5.885.222.934	5.885.222.934	
	Cộng:		1	5.885.222.934	5.885.222.934	

Tổng giá trị: Bằng số 5.885.222.934

Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm

tám năm triệu hai trăm hai hai nghìn chín trăm ba tư đồng chẵn.

Kể từ ngày 1/10/2009 số tài trên do bên Sở ngoại vụ thành phố Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý.

Biên bản này lập thành 4 bản có giá trị như nhau. Bên giao giữ 2 bản, bên nhận giữ 2 bản.

CHỮ KÝ BÊN GIAO

CHỮ KÝ BÊN NHẬN

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

Mẫu số S02a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 0918

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Hạch toán giảm TSCĐ

Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền	Ghi chú
Bàn giao nhà số 22 Hồ Xuân Hương cho ĐDBQH	466	211	5.885.222.934	
HT giảm KHTS do bàn giao nhà số 22 HXHg cho ĐDBQH	214	211	420.373.066	
Cộng			6.305.596.000	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm 2009

Kế toán trưởng

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S02b - DN

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

CTGS		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
0914	30/09/09	223.780.000
0915	30/09/09	987.053.125
0916	30/09/09	1.098.523.600
0917	30/09/09	524.709.518
0918	30/09/09	6.305.596.000
.....
Cộng phát sinh:		13.598.610.241
Cộng lũy kế từ đầu quý:		

NGƯỜI GHI SỔ

Ngày tháng năm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 2112

Nhà cửa vật kiên trúc

Tháng 09 năm 2009

Tất cả các đối tượng chi tiết

CTGS	Số CT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có
.....
Đối tượng chi tiết: 2112VN – Giá trị quyết toán xây dựng nhà A, B Vĩnh Niệm						
Cộng đối tượng: 2112VN			Dư đầu kỳ		32.329.593.700	
Giá trị quyết toán XD nhà A, B Vĩnh Niệm			Phát sinh trong kỳ		0	0
			Lũy kế phát sinh		0	0
			Dư cuối kỳ		32.329.593.700	
.....
Đối tượng chi tiết: 2112XH22 – Giá trị quyết toán xây dựng nhà 22 HXHg						
0918	0918G	30/09	HT giảm GTCL TS do bàn giao nhà 22HXHg	466		5.885.222.934
0918	0918K	30/09	HT giảm KHTS do bàn giao nhà 22HXHg	214		420.373.066
Cộng đối tượng: 2112XH2			Dư đầu kỳ		6.305.596.000	
Giá trị Q/toán XD nhà 22HXHg			Phát sinh trong kỳ		0	6.305.596.000
			Lũy kế phát sinh		0	6.305.596.000
			Dư cuối kỳ			
Cộng tài khoản: 2112			Dư đầu kỳ		59.325.963.000	0
Nhà cửa, vật kiên trúc			Phát sinh trong kỳ		0	6.305.596.000
			Lũy kế phát sinh		0	6.305.596.000
			Dư cuối kỳ		53.020.367.000	0

Ngày tháng năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 2112

Nhà cửa vật, kiến trúc

Tháng 09 năm 2009

CTGS	Số CT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có
0918	0918G	30/09	HT giảm GTCL TS do bàn giao nhà 22HXHg	466		5.885.222.934
0918	0918K	30/09	HT giảm KHTS do bàn giao nhà 22HXHg	214		420.373.066
Cộng tài khoản: 2112				Dư đầu kỳ	59.325.963.000	0
Nhà cửa vật kiến trúc				Phát sinh trong kỳ	0	6.305.596.000
				Lũy kế phát sinh	0	6.305.596.000
				Dư cuối kỳ	53.020.367.000	0

Ngày tháng năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

2.2.2 Kế toán hao mòn tài sản cố định hữu hình.

Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng thực hiện việc trích khấu hao theo quyết định 206/2003-QĐ-BTC và áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng để tính mức khấu hao hàng tháng.

$$\text{Mức trích khấu hao một năm} = \frac{\text{NG}}{\text{Thời gian sử dụng(năm)}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao 1 tháng} = \frac{\text{Mức trích khấu hao 1 năm}}{12}$$

$$\text{Khấu hao TSCĐ phải trích trong tháng} = \text{Số KH TSCĐ đã trích tháng tr-ớc} + \text{KH TSCĐ tăng trong tháng} - \text{KH TSCĐ giảm trong tháng}$$

Thời gian sử dụng được xác định theo phụ lục 1 ban hành kèm theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC. TSCĐ tăng vào tháng nào thì bắt đầu tính khấu hao vào tháng đó.

Sau khi quyết định 206/2003/QĐ-BTC được ban hành công ty có xem lại thời gian sử dụng của các TSCĐ đã đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2004 theo hướng dẫn của quyết định:

Theo đó, mức trích khấu hao hàng năm của các TSCĐ kể từ mốc 01/01/2004 sẽ có sự thay đổi như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ}}$$

Trong đó:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{NG} - \text{số khấu hao lũy kế}$$

Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ đ- ợc xác định nh- sau:

$$\text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ} = \text{Thời gian sử dụng của TSCĐ xác định theo phụ lục 1-QĐ206} \times \left(1 - \frac{\text{Thời gian thực tế đã trích khấu hao của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ xác định theo phụ lục 1-QĐ166}} \right)$$

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.

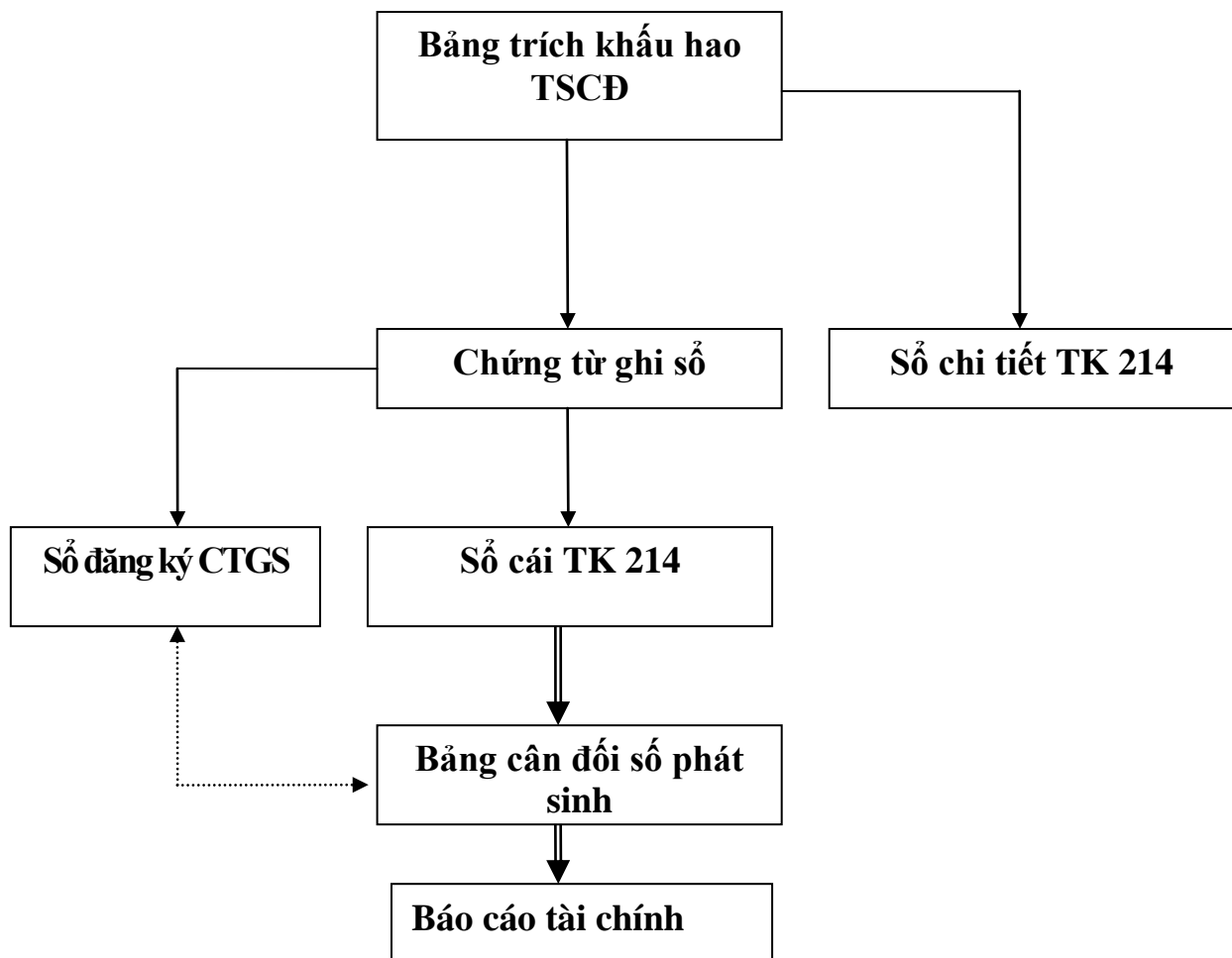
- Bảng trích khấu hao TSCĐ

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng TK 214 – Hao mòn TSCĐ. Công ty còn sử dụng tài khoản cấp 4 là TK 21414 – Hao mòn TSCĐHH, thiết bị, dụng cụ quản lý.

2.2.2.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

* Quy trình kế toán tăng, giảm hao mòn TSCĐHH:



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán tăng, giảm hao mòn TSCĐHH

VÍ DỤ:

Ô tô MISHUBISHI JOLIE phục vụ công tác quản lý đ-ợc công ty đ-a vào sử dụng từ ngày 15/08/2009, có nguyên giá 494.407.920 đồng. Thời gian sử dụng theo qui định tại phụ lục 1-QĐ206 là 7 năm.

*Giá trị còn lại trên sổ kế toán là : 494.407.920 đồng

*Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của ô tô theo qui định tại Phụ lục 1-QĐ206 là 7 năm.

*Thời gian sử dụng còn lại của ô tô là: 7 năm

*Mức trích khấu hao trung bình hàng năm = $494.407.920/7=70.629.703$ đồng

* Mức trích khấu hao trung bình tháng là: $70.629.703/12 = 5.885.809$ đồng

*Kể từ ngày 01/09/2009, doanh nghiệp sẽ trích khấu hao đối với ô tô này vào chi phí kinh doanh mỗi tháng là 5.885.809 đồng.

Sở Xây dựng Hải Phòng

Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng

BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2009

STT	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Ngày đưa vào sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị khấu hao	Khấu hao từ đầu năm	Giá trị còn lại cuối kỳ
TSCĐHH là phương tiện vận tải					15,398,213,633	12,364,982,054	3,033,231,579	120,476,900	12,244,505,154
1		Ô tô của ban quản lý nhà Kiến An	11/3/2007	7	420,000,000	304,510,744	115,489,256	60,000,000	244,510,744
...
5		Ô tô mishubishi jolie BKS 16R-3217	15/08/2009	7	494,407,920	494,407,920	-	28,429,042	465,978,878
...
TSCĐHH là nhà cửa vật kiến trúc					39,027,085,700	37,705,594,844	1,300,902,856	250,673,898	37,454,920,946
1		Nhà số 22HXHg	1/1/2008	20	6,305,596,000	6,095,409,467	210,186,533	210,186,533	5,885,222,934
...
		Cộng			94,278,560,146	85,776,253,900	8,502,306,246	1,476,890,348	84,299,363,552

Lập, ngày...tháng...năm....

Người lập sổ

Kế toán trưởng

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S02a - DN

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 0926

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Hạch toán tăng chi phí quản lý doanh nghiệp

Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền	Ghi chú
.....
Thanh toán tiền dịch vụ mua ngoài	642	112	3.459.832	
Trích khấu hao TSCĐ là phương tiện vận tải	642	214	118.858.950	
.....
Cộng			578.920.234	

Kèm theo chứng từ gốc

Người ghi sổ

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

Mẫu số S02b - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

CTGS		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
0922	30/09/09	35.700.000
0923	30/09/09	133.248.000
0924	30/09/09	325.700.000
0925	30/09/09	99.056.870
0926	30/09/09	578.920.234
.....
Cộng phát sinh:		13.598.610.241
Cộng lũy kế từ đầu quý:		

NGƯỜI GHI SỔ

Ngày tháng năm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 21414

Hao mòn TSCĐ hữu hình, thiết bị, dụng cụ quản lý

Tháng 09 năm 2009

Tất cả các đối tượng chi tiết

CTGS	Số CT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐ U	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Đối tượng chi tiết: 2141 – Khấu hao TSCĐ hữu hình						
.....
0926	0926K	30/09	HT giảm KHTS do bàn giao nhà 22 HXHg cho ĐDBQ	211	420.373.066	
0927	0927V	30/9	Hạch toán hao mòn TSCĐ tháng 09/2009 là phương tiện v/tải	642		118.858.950
0928	0928T	30/9	Hạch toán hao mòn TSCĐ tháng 09/2009 là nhà cửa VKT	466		1.300.902.856
.....
Cộng đối tượng: 2141				Dư đầu kỳ	0	2.990.625.066
Khấu hao TSCĐ hữu hình				Phát sinh trong kỳ	656.399.343	1.692.820.715
				Lũy kế phát sinh	656.399.343	1.692.820.715
				Dư cuối kỳ	0	4.027.046.438
Cộng tài khoản: 21414				Dư đầu kỳ	0	2.990.625.066
Hao mòn TSCĐHH, thiết bị, dụng cụ quản lý				Phát sinh trong kỳ	656.399.343	1.692.820.715
				Lũy kế phát sinh	656.399.343	1.692.820.715
				Dư cuối kỳ	0	4.027.046.438

Ngày tháng năm

SỔ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

CÔNG TY KINH DOANH NHÀ

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 214

Hao mòn TSCĐ hữu hình, dụng cụ quản lý

Tháng 09 năm 2009

CTGS	Số CT	Ngày tháng	Diễn giải	TKĐ U	Phát sinh nợ	Phát sinh có
.....
0926	0926K	30/09	HT giảm KHTS do bàn giao nhà 22 HXHg cho ĐDBQ	211	420.373.066	
0927	0927V	30/9	Hạch toán hao mòn TSCĐ tháng 09/2009 là phương tiện v/tải	642		118.858.950
0928	0928T	30/9	Hạch toán hao mòn TSCĐ tháng 09/2009 là nhà cửa VKT	466		1.300.902.856
.....
Cộng tài khoản: 21414				Dư đầu kỳ		2.990.625.066
Hao mòn TSCĐHH, thiết bị, dụng cụ quản lý				Phát sinh trong kỳ	656.399.343	1.692.820.715
				Lũy kế phát sinh	656.399.343	1.692.820.715
				Dư cuối kỳ	0	4.027.046.438

NGƯỜI GHI SỔ

Ngày tháng năm
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chương 3:

Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định hữu hình tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

3.1 Nhận xét chung về tổ chức kế toán TSCĐHH tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, ban giám đốc, cũng như sự góp sức của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, công ty kinh doanh nhà Hải Phòng đã có những bước chuyển mình đáng kể, từ chỗ là một đơn vị hành chính sự nghiệp, nay đã năng động để tìm kiếm các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất với đa dạng ngành nghề. Trong những thành quả đạt được, sự hoạt động hiệu quả của Phòng Tài chính là một yếu tố không nhỏ, góp phần quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.1.1 Những ưu điểm.

- **Việc áp dụng chuẩn mực kế toán** tương đối linh hoạt và phù hợp với doanh nghiệp về: đánh giá giá trị TSCĐ hữu hình; phân loại đa dạng, phù hợp với yêu cầu quản lý; chế độ sửa chữa, nâng cấp.... Chấp hành kịp thời các chế độ, qui định liên quan đến kế toán tài chính.

- **Trong công tác tổ chức kế toán:**

- Với phạm vi hoạt động rộng, nhiều ngành nghề, việc công ty lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán vừa tập trung, vừa phân tán là phù hợp, cho phép giảm bớt công việc tập trung vào phòng tài chính của công ty.

- Vấn đề nhân sự tại Phòng kế toán được bố trí, phân công phân nhiệm rõ ràng, tạo điều kiện phát huy trình độ kinh nghiệm của mỗi nhân viên kế toán.

- **Trong công tác tổ chức hệ thống chứng từ và sổ kế toán:** Việc lựa chọn và áp dụng hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ” phù hợp với qui mô hoạt động của doanh nghiệp. Nếu với hình thức Nhật ký chung, đòi hỏi kế toán phải vào sổ thường xuyên, hàng ngày thì hình thức “chứng từ ghi sổ” cho phép kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh trong nhiều ngày liên tục với điều kiện phát sinh

cùng 1 bên trên cùng một tài khoản.

- **Trong công tác phân loại TSCĐ:** với 3 cách phân loại TSCĐ hữu hình (theo nguồn; theo đặc tr- ng kĩ thuật; theo hiện trạng sử dụng), các thông tin về TSCĐ sẽ đ- ợc cung cấp một cách cụ thể, phù hợp với từng yêu cầu quản lý, nhu cầu sử dụng thông tin.

Việc phân loại theo nguồn hình thành cho phép đánh giá hiệu quả của TSCĐ hình thành từ các nguồn khác nhau; từ đó có kế hoạch huy động cho những năm tiếp theo.

Việc phân loại theo đặc tr- ng kĩ thuật tạo điều kiện cho doanh nghiệp quản lý chi tiết, cụ thể từng loại từng nhóm TSCĐ, có những lựa chọn ph- ơng pháp khấu hao phù hợp với từng loại để thu hồi vốn nhanh cho phép tái đầu t- hiệu quả..

Phân loại theo hiện trạng sử dụng giúp công ty nhận biết hiệu quả sử dụng TSCĐ, tính khấu hao đúng qui định, và đ- a ra quyết định thanh lý nh- ợng bán hợp lý.

- **Trong công tác kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ:** Việc hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình đều đ- ợc dựa trên các chứng từ hợp lý, hợp lệ về mua sắm, xây dựng, thanh lý...Điều này tạo điều kiện cho kế toán đánh giá đúng giá trị của TSCĐ hữu hình theo qui định của chuẩn mực.

- **Công tác tính và trích khấu hao TSCĐ:** Ph- ơng pháp khấu hao theo đ- ờng thẳng đ- ợc áp dụng nhất quán trong kì kế toán. Đặc biệt, khi quyết định 206 đ- ợc ban hành, công ty tuân thủ chấp hành, kịp thời xác định lại thời gian sử dụng của TSCĐ theo qui định mới.

- **Công tác sửa chữa lớn TSCĐ:** TSCĐ Hữu hình trong công ty khi có hỏng hóc th- ờng đ- ợc sửa chữa, bảo d- ỡng kịp thời. Công ty đã có sự linh hoạt khi xử lý chi phí sửa chữa cho phép ghi tăng Nguyên giá TSCĐ hữu hình hay tính vào chi phí.

3.1.2 Những hạn chế còn tồn tại.

- **Trong công tác tổ chức bộ máy kế toán:**
 - việc kế toán tiền gửi ngân hàng kiêm vị trí thủ quỹ đã vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm trong kế toán. Điều này có thể tạo ra những sai sót các

nghiệp vụ liên quan đến tiền.

- Một số nhân viên kế toán ch- a đ- ọc đào tạo chuyên sâu về kế toán .

▪ **Công tác tổ chức kế toán TSCĐ hữu hình:**

Hạn chế thứ nhất: *Kí hiệu TK sai so với chế độ.* Theo chế độ qui định, TK 2111- Nhà cửa, vật kiến trúc nh- ng công ty lại qui định TK 2111- Đất.

Hạn chế thứ hai: *Việc phân loại TSCĐ còn nhiều mâu thuẫn.* Có TSCĐ không tham gia vào quá trình sản xuất nh- ng lại đ- ọc xếp trong danh mục TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh. Và có tài sản dùng cho mục đích hành chính sự nghiệp, nh- ng lại tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, vẫn trích khấu hao nh- các tài sản khác nh- ng lại không nằm trong danh mục TSCĐ dùng cho sản xuất.

Hạn chế thứ ba: *Trong công tác tính khấu hao:* Tại công ty, bảng tính và phân bổ khấu hao không đ- ọc lập. Vì thế, nhà quản trị sẽ gặp khó khăn khi không có số liệu so sánh mức khấu hao quý này với quý tr- ớc.

Theo qui định, các TSCĐ không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh không đ- ọc trích khấu hao, nh- ng phải theo dõi hao mòn vào cuối năm, xác định giá trị còn lại theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{NG} - \text{giá trị hao mòn lũy kế}$$

Tuy nhiên, công ty không tiến hành theo dõi và phản ánh số hao mòn của những TSCĐ dùng cho phúc lợi, quốc phòng.

Việc không theo dõi giá trị hao mòn của toàn bộ tài sản khiến cho giá trị hao mòn lũy kế của toàn bộ tài sản tại công ty là ch- a chính xác. Vì vậy, ảnh h- ưởng đến tính trung thực về số liệu: giá trị còn lại và giá trị hao mòn lũy kế trên Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán)

Hạn chế thứ tư: *Về công tác kế toán sửa chữa TSCĐ:* Những hoạt động sửa chữa tại công ty chủ yếu là sửa chữa nhà. công ty tập hợp toàn bộ chi phí sửa chữa vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì mà không phân bổ ra nhiều kì. Điều này có thể làm chi phí tăng khá lớn do hoạt động sửa chữa lớn này không xảy ra th- ờng xuyên.

Hạn chế thứ năm: *Về sổ sách sử dụng:*

- Mẫu sổ sách công ty sử dụng không đúng với chuẩn mực kế toán mà Bộ

tài chính ban hành theo QĐ15/2006. Cụ thể là mẫu sổ cái công ty đã không sử dụng đúng theo mẫu.

- Công ty chỉ sử dụng sổ chi tiết TSCĐHH mà không sử dụng sổ tổng hợp chi tiết. Điều này sẽ tạo khó khăn cho việc theo dõi một cách tổng quát TSCĐHH mà số lượng và giá trị TSCĐHH của công ty là khá lớn.

- Việc ghi sổ kế toán của công ty không đúng với phương pháp “chứng từ ghi sổ”. Cụ thể: khi ghi sổ cái theo phương pháp “chứng từ ghi sổ” thì phải ghi theo tên chứng từ ghi sổ thì kế toán lại ghi theo nghiệp vụ phát sinh.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.

Trong một thời gian ngắn thực tập tại Phòng tài chính công ty kinh doanh nhà Hải Phòng, em đã đ- ọc tiếp cận và có sự nhìn nhận thực tế hơn đối với công tác kế toán của một doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có những đặc thù riêng, và công tác kế toán cũng vì thế mà có những vấn đề đặc tr- ng và đa dạng. Đồng nghĩa với điều này là có những hạn chế còn tồn tại, cần phải có giải pháp khắc phục. Trong khuôn khổ của luận văn, em không có tham vọng là những ý kiến của mình thật hoàn hảo có thể giúp công tác kế toán của công ty hoàn thiện ngay nh- ng em hy vọng những ý kiến của mình sẽ đ- ợc l- u ý để công tác kế toán tại công ty có thể hiệu quả hơn.

Trong công tác tổ chức kế toán :

- Tách rời sự kiêm nhiệm của kế toán tiền gửi và thủ quỹ. Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tránh chồng chéo công việc. Điều này cũng giúp cho kế toán tổng hợp của Công ty không phải kiêm nhiệm quá nhiều công việc.

- Trong thời gian tới, với các xí nghiệp, bộ phận mà giá trị sản xuất có sự tiến bộ lớn thì có thể phân cấp quản lý tài chính riêng cho các đơn vị, bộ phận đó. Nh- vậy, phòng kế toán tổng hợp sẽ giảm bớt đ- ợc công việc, tập trung vào công tác báo cáo tổng hợp hơn.

- Tổ chức kế toán máy đồng bộ ở các xí nghiệp, đồng thời nối mạng nội bộ tới các xí nghiệp, các phòng ban, cho phép các thông tin truyền tải trực tiếp tới phòng Tài chính hàng ngày. Loại bỏ tình trạng tin học hóa một phần.

Về công tác tổ chức kế toán TSCĐ hữu hình:

Ý kiến thứ nhất: Khai báo lại Tên các tài khoản chi tiết của TK 211 theo đúng hệ thống tài khoản mà chế độ qui định:

TK 2111- nhà cửa, vật kiến trúc;

TK 2112- máy móc, thiết bị;

TK 2113- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

TK 2114- Thiết bị, dụng cụ quản lý;

TK 2115- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm

TK 2118- TSCĐ khác

Ý kiến thứ hai: Phân loại các tài sản theo các tiêu chí một cách rõ ràng hơn. Tránh tình trạng tài sản xác định sai mục đích sử dụng dẫn đến tính sai chi phí sản xuất kinh doanh trong kì.

Ý kiến thứ ba: Thời điểm ghi sổ: Với các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ căn cứ vào các chứng từ phát sinh mà ghi sổ sách, đảm bảo tính kịp thời của thông tin kế toán. Tránh tình trạng ghi chậm mà ảnh hưởng đến việc trích khấu hao TSCĐ.

Ý kiến thứ tư: Xem lại công tác tính khấu hao và theo dõi hao mòn:

+ Doanh nghiệp nên lập “bảng tính và phân bổ khấu hao”, điều đó giúp cho doanh nghiệp kiểm soát, so sánh được giá trị khấu hao giữa các tháng, quý.

+ Với những TSCĐ dùng cho phúc lợi, sự nghiệp cần theo dõi hao mòn và phản ánh số hao mòn vào cuối năm như sau:

Nợ TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

(Nợ TK 4313- Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ)

Có TK 214- Hao mòn TSCĐ

Ví dụ: Nhà điều dưỡng công ty được đầu tư bằng quỹ phúc lợi, với Nguyên giá là 390.575.531 đồng, -ớc tính thời gian sử dụng là 6 năm. Như vậy, giá trị hao mòn mỗi năm là $:390.575.531/6 = 65.095.921,83$ (đồng).

Cuối năm, kế toán sẽ phản ánh số hao mòn này như sau:

Nợ TK 4313: **65.095.921,83**

Có TK 214: **65.095.921,83**

Việc phản ánh đ- ợc giá trị hao mòn nh- trên sẽ làm cho số liệu về giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ trung thực hơn (trong tr- ờng hợp này, giá trị còn lại của TSCĐ sẽ bị giảm do giá trị hao mòn lũy kế tăng)

Ý kiến thứ năm: Về công tác kế toán sửa chữa TSCĐ:

+Doanh nghiệp không nhất thiết phải trích tr- ớc chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Kế toán cần phải đánh giá mức độ ảnh h- ưởng của chi phí sửa chữa đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kì:

- Nếu giá trị nhỏ, có thể tính trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh nh- doanh nghiệp hiện tại vẫn làm.
- Nếu giá trị đáng kể, cần tập hợp chi phí thông qua TK 2413, sau đó phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh các kì tiếp theo:

Trình tự nh- sau:

Căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán nhập liệu:

Nợ TK 241- Xây dựng cơ bản dở dang (2413)

Nợ TK 133(nếu có)

Có TK 111,331,152

Nợ TK 142,242

Có TK 241

đồng thời xác định giá trị phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kì

Nợ TK 627,642

Có TK 142,242

Ý kiến thứ sáu: Về sổ sách kế toán:

- Về mẫu sổ sách: Công ty nên sử dụng đúng theo mẫu sổ do Bộ tài chính quy định trong QDD15/2006. Cụ thể như sau:

Mẫu sổ cái theo quy định của Bộ tài chính:

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 211

Tháng 01 năm 2009

CTGS		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		96.376.908.769	
		Số phát sinh:			
0106	31/01	Giảm TSCĐHH	214		9.690.879
			811		2.785.311
0107	31/01	Tăng TSCĐHH	112	34.980.000	
		Cộng phát sinh		34.980.000	12.476.190
		Số dư cuối kỳ		96.399.412.579	

Ngày tháng năm

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Kế toán khi ghi sổ kế toán theo phương pháp “chứng từ ghi sổ” nên ghi theo đúng quy định.

- Công ty nên sử dụng bảng tổng hợp chi tiết để có thể theo dõi một cách tổng quát tình hình biến động của TSCĐHH trong công ty.

Ý kiến thứ bảy: Việc thanh lý TSCĐ tại đơn vị chịu ảnh hưởng của những thủ tục r- òm rà từ phía trên, nên để thu hồi vốn mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, doanh nghiệp cần có những kiến nghị để phía cấp có thẩm quyền thanh lý những TSCĐ không còn dùng, tránh ứ đọng vốn. Đồng thời, tạo điều kiện cho thông tin trên báo cáo tài chính trung thực, phản ánh đ- ợc hiệu quả sử dụng TSCĐ .

Trong những năm tới đây, qui mô hoạt động của công ty có thể đ- ợc mở rộng. Vì vậy những thông tin hiệu quả sử dụng TSCĐ sẽ giúp ban lãnh đạo có những quyết định đầu t- đúng đắn.

Có thể tham khảo mẫu biểu sau:

Bảng đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ

chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch
1.Nguyên giá bình quân	140.229.505.171	136.559.456.113	-3.670.049.050
2.Doanh thu	58.937.340.027	75.643.048.113	16.705.708.086
Hiệu quả sử dụng TSCĐ	0,42	0,554	0,134
3.Lợi nhuận	2.719.441.633	4.430.253.570	1.710.811.937
Sức sinh lời của TSCĐHH	0,019	0,032	0,013
Tỉ suất hao phí TSCĐHH	52,63	31,25	-21,38

Nh- vậy ,hiệu quả sử dụng TSCĐHH của công ty trong năm 2009 có tăng so với năm 2008. Điều đó cho thấy việc đầu t- vào TSCĐ của doanh nghiệp đã có ảnh h- ớng và tác động tốt.

Tuy nhiên hệ số này còn thấp, do tổng nguyên giá TSCĐHH còn bao gồm cả những tài sản không tham gia sản xuất kinh doanh, phúc lợi, hết khấu hao, chờ thanh lý...

* Những vấn đề cần l- u ý khi vận dụng chuẩn mực.

Về chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

Trong điều 23 và 24 chuẩn mực kế toán số 03 có qui định:

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

(a) Thay đổi bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng;

(b) Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra;

(c) Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Tuy nhiên trong điều 35 lại qui định:

Chế độ sửa chữa và bảo d- ỡng TSCĐHH có thể kéo dài thời gian sử dụng hữu ích thực tế hoặc làm tăng giá trị thanh lý - ớc tính của TS nh- ng doanh nghiệp không đ- ợc thay đổi mức khấu hao của tài sản.

Nh- vậy, hai điều trên là không thống nhất. Thực tế, tại đơn vị thực tập cho thấy, việc tính chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu vào nguyên giá hay vào chi phí mang tính chủ quan của kế toán. Có những chi phí phát sinh rất lớn (chi phí nâng cấp cải tạo khu nhà làm việc) được ghi tăng nguyên giá TSCĐ dù khi đánh giá thời gian sử dụng của tài sản này cũng không tăng. Rõ ràng, các chi phí này không thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực đ- a ra nh- ng kế toán đơn vị vẫn ghi tăng nguyên giá.

Tuy nhiên cũng với chi phí đó nh- ng lại là sửa chữa lớn TSCĐ (sửa chữa nhà) thì lại hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì.

Do đó, cần có qui định cụ thể trong việc ghi nhận nguyên giá TSCĐ:

- + Chi phí đó chiếm bao nhiêu phần trăm nguyên giá TSCĐ thì đ- ợc ghi tăng (có thể là 30% nguyên giá ban đầu)
- + Thời gian tăng thêm phải chiếm một tỉ lệ nhất định so với thời gian sử dụng còn lại của Tài sản đó
- + Hoặc có thể căn cứ vào hiệu quả của việc sử dụng tài sản để quyết định ghi tăng nguyên giá hay tính vào chi phí...

🚩 Về xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu

Điều 28 có ghi: *sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐHH đ- ợc xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Tr- ờng hợp TSCĐHH đ- ợc đánh giá lại theo qui định của Nhà n- ớc thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải đ- ợc điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐHH đ- ợc xử lý và kế toán theo qui định của Nhà n- ớc.*

Nh- vậy, TSCĐHH đ- ợc đánh giá lại hoàn toàn phụ thuộc vào qui định của Nhà n- ớc, và chỉ đ- ợc đánh giá lại trong các tr- ờng hợp sau:

- Nhà n- ớc có qui định đánh giá lại
- Khi doanh nghiệp cổ phần hóa cần định giá tài sản của doanh nghiệp
- Khi thanh lý, giải thể, chia tách, sáp nhập, phá sản...

Trên thực tế, giá cả thị trường luôn biến động. Để đảm bảo nguyên tắc hoạt động liên tục, cần ghi nhận giá trị ban đầu của TSCĐHH theo giá gốc. Những biến động giá cả thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của TSCĐHH. Việc phụ thuộc vào qui định nhà n- ớc trong quá trình đánh giá lại có thể làm cho các doanh nghiệp mất vốn, không có nguồn để tái đầu tư TSCĐHH (nếu giá trị hợp lý của TSCĐHH tăng), còn nếu giảm thì chi phí khấu hao có thể ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm, dịch vụ.

Trình bày báo cáo tài chính

Trong chuẩn mực đã qui định rất cụ thể những chỉ tiêu cần trình bày trên báo cáo tài chính; tuy nhiên trên bảng cân đối kế toán, thuyết minh báo cáo tài chính chưa có sự thống nhất với chuẩn mực.

Trên thuyết minh báo cáo tài chính, mục IV, điều 3 “Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư” trình bày 2 chỉ tiêu là :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, Bất động sản đầu tư)
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, Bất động sản đầu tư)

Cần phải thay đổi cho phù hợp với chuẩn mực :

- Phương pháp xác định nguyên giá TSCĐ
- Phương pháp khấu hao; thời gian sử dụng hữu ích; tỉ lệ khấu hao

Tuy nhiên, nếu chuẩn mực yêu cầu trình bày cả thời gian sử dụng hữu ích (hay tỉ lệ khấu hao) thì có thể bản thuyết minh khá dài. Vấn đề thời gian sử dụng hữu ích nên trình bày trong báo cáo chi tiết theo dõi về TSCĐHH.

Trong mục V “thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán; điều 8 “Tăng, giảm TSCĐHH”, cần :

Đổi “Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý” thành “ Giá trị còn lại của TSCĐ HH đang chờ thanh lý”

KẾT LUẬN

Để có những sản phẩm chất lượng, uy tín trên thị trường, doanh nghiệp cần có một cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn, hệ thống trang thiết bị hiện đại. Với công ty kinh doanh nhà Hải Phòng, đối sự đầu tư của nhà nước, hệ thống trang thiết bị đã có những thay đổi tiến bộ trong những năm vừa qua, tạo điều kiện cho công ty có thể tham gia vào nhiều hợp đồng kinh tế, nâng cao lợi nhuận kinh tế.

Với vai trò là một công cụ quản lý, kế toán TSCĐ tại công ty đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng TSCĐ, cho phép duy trì và cải tiến năng lực sản xuất của công ty thông qua các đề xuất về trang bị cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật, và kế hoạch sửa chữa nâng cấp TSCĐ.

Trong thời gian thực tập tại phòng Tài chính công ty kinh doanh nhà Hải Phòng, em đã được tiếp cận với công tác kế toán tại công ty, có cái nhìn thực tế hơn đối với công tác kế toán TSCĐHH, thu thập những số liệu, bằng chứng phục vụ cho đề tài tốt nghiệp cuối khóa của mình.

Dù luận văn đã hoàn thành, song mức độ hoàn thiện của đề tài này chắc chắn còn phải xem xét thêm. Đây là một công trình tâm huyết của em, chính vì vậy, xuất phát từ mong muốn hoàn thiện hơn nữa luận văn của mình, em hy vọng có nhiều ý kiến từ phía thầy cô, bạn bè để em có thể rút kinh nghiệm, hoàn thiện hiểu biết của mình hơn!

Em xin chân thành cảm ơn Phòng tài chính của công ty kinh doanh nhà Hải Phòng, sự hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng và các thầy cô trong trường đã giúp đỡ em hoàn thành cuốn luận văn này!

Sinh viên thực hiện
Hồ Minh Thông

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp	3
1.1 Một số vấn đề chung về kế toán Tài sản cố định hữu hình (TSCĐHH).....	3
1.1.1 Khái niệm Tài sản cố định hữu hình.	3
1.1.2 Tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định hữu hình.	3
1.1.3 Đánh giá Tài sản cố định hữu hình.	4
1.1.3.1 Xác định giá trị ban đầu.	4
1.1.3.2 Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu.....	5
1.1.3.3 Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu.	6
1.1.3.4 Xác định thời gian sử dụng của Tài sản cố định hữu hình.....	6
1.1.3.5 Khấu hao Tài sản cố định hữu hình.	7
1.1.4 Nhiệm vụ kế toán Tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp.	16
1.2 Tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp.	16
1.2.1 Kế toán Tài sản cố định hữu hình.	16
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.	16
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.	17
1.2.1.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.	18
1.2.2 Kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình.....	23
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.	23
1.2.2.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.	24
1.3 Vận dụng hệ thống sổ sách trong tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định hữu hình.....	24
Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng	25
2.1 Khái quát về công ty.....	25
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty:	25
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	25

2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được của công ty trong những năm gần đây.....	26
2.1.3.1 Khó khăn.	26
2.1.3.2 Thuận lợi.	26
2.1.3.3 Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong 3 năm qua.	27
2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
2.1.4.1 Ban giám đốc:.....	27
2.1.4.2 Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:.....	28
2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty:	32
2.1.6 Tổ chức hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	35
2.1.7. Vận dụng chế độ kế toán tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.	36
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.	37
2.2.1 Kế toán tài sản cố định hữu hình.....	37
2.2.1.1 Chứng từ sử dụng.	37
2.2.1.1 Tài khoản sử dụng.	37
2.2.1.3 Quy trình kế toán.....	38
2.2.2 Kế toán hao mòn tài sản cố định hữu hình.....	57
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.	58
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng.	58
2.2.2.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	58
Ch- ong 3:Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định hữu hình tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.	65
3.1 Nhận xét chung về tổ chức kế toán TSCĐHH tại Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.....	65
3.1.1 Những ưu điểm.....	65
3.1.2 Những hạn chế còn tồn tại.	66
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty kinh doanh nhà Hải Phòng.....	68
KẾT LUẬN	75